

**Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế
Hoàng Anh Gia Lai**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2017

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11 - 75

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và mười lăm (15) GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có mười một (11) công ty con trực tiếp, mười (10) công ty con gián tiếp và hai (2) công ty liên kết.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty là chăn nuôi và kinh doanh bò sữa và bò thịt; trồng và kinh doanh cao su, cọ dầu; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan; xây dựng nhà các loại; xây dựng công nghiệp và các công trình dân dụng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phú Đồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên	
Ông Đoàn Nguyên Thu	Thành viên	
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2017
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Thành viên	từ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2017
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên	
Ông Nguyễn Ngọc Ánh	Thành viên	
Ông Nguyễn Quan Anh	Thành viên	

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Hải Yến	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 10 tháng 7 năm 2017
Ông Lê Hồng Phong	Trưởng ban	từ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2017
Ông Dương Trần Hùng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2017
Ông Phạm Ngọc Châu	Thành viên	

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 5 tháng 5 năm 2017
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 5 tháng 5 năm 2017
Ông Phan Thanh Thủ	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Ngọc Ánh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Trịnh Xuân Nhân	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Đình Quý	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Quan Anh	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 5 tháng 5 năm 2017
Ông Lê Đình Vỹ	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 5 tháng 5 năm 2017

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này.

Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 5 tháng 5 năm 2017
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 5 tháng 5 năm 2017

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Võ Thị Mỹ Hạnh
Tổng Giám đốc

Gia Lai, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2017

Số tham chiếu: 61280353/19548843/LR-HN

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") và các công ty con ("Nhóm Công ty"), được lập ngày 15 tháng 8 năm 2017 và được trình bày từ trang 6 đến trang 75, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Nhóm Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Đoàn Thị Thu Thủy
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1070-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 15 tháng 8 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại – Thuyết minh số 38)
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		6.746.160.739	6.475.477.842
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	5	1.393.482.421	311.458.305
111	1. Tiền		1.393.482.421	296.458.305
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	15.000.000
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		4.271.611.499	4.648.270.491
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	1.827.595.142	1.680.027.335
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	1.389.725.421	1.733.579.210
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	507.480.068	399.490.706
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	551.990.868	841.151.542
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6	(5.180.000)	(5.978.302)
140	III. Hàng tồn kho	10	1.061.082.653	1.495.795.947
141	1. Hàng tồn kho		1.087.474.641	1.789.087.554
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(26.391.988)	(293.291.607)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		19.984.166	19.953.099
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		3.383.115	8.008.788
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		11.282.095	6.633.439
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	20	5.318.956	5.310.872
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		27.481.505.260	28.527.660.010
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		2.755.965.481	2.525.035.814
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	8	2.069.669.718	1.897.793.366
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	686.295.763	627.242.448
220	II. Tài sản cố định		6.730.921.864	6.849.442.378
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	6.697.599.627	6.812.962.442
222	Nguyên giá		7.606.549.236	8.016.244.835
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(908.949.609)	(1.203.282.393)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	33.322.237	36.479.936
228	Nguyên giá		54.845.260	54.845.260
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(21.523.023)	(18.365.324)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		12.772.184.025	13.360.385.870
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	12.772.184.025	13.360.385.870
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	15	892.806.441	896.161.285
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		892.806.441	896.161.285
260	V. Tài sản dài hạn khác		4.329.627.449	4.896.634.663
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	16	586.759.685	951.695.003
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	33.2	40.977.859	38.764.262
269	3. Lợi thế thương mại	17	3.701.889.905	3.906.175.398
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		34.227.665.999	35.003.137.852

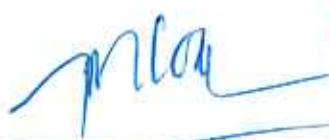
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại – Thuyết minh số 38)
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		23.749.388.450	25.271.115.579
310	I. Nợ ngắn hạn		6.180.755.533	6.537.402.367
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18	665.903.678	746.092.154
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19	283.808.093	255.486.294
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	157.982.766	120.154.736
314	4. Phải trả người lao động		55.930.984	50.924.303
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	216.334.810	142.346.693
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		13.394.710	9.101.752
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	22	2.799.741.097	2.554.966.933
320	8. Vay ngắn hạn	24	1.987.659.395	2.658.329.502
330	II. Nợ dài hạn		17.568.632.917	18.733.713.212
337	1. Phải trả dài hạn khác	22	1.163.634.898	914.104.959
338	2. Vay dài hạn	24	16.091.146.490	17.432.565.186
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	33.2	7.549.010	109.516.113
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn	23	306.302.519	277.526.954
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		10.478.277.549	9.732.022.273
410	I. Vốn chủ sở hữu		10.478.277.549	9.732.022.273
411	1. Vốn cổ phần	25.1	7.671.438.950	7.671.438.950
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		7.671.438.950	7.671.438.950
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	25.1	1.064.550.810	1.064.550.810
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	25.1	289.583.027	544.709.749
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	25.1	1.406.179.298	391.660.270
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		391.660.270	2.126.574.755
421b	- Lợi nhuận sau thuế (lỗ) chưa phân phối kỳ này		1.014.519.028	(1.734.914.485)
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	26	46.525.464	59.862.494
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		34.227.665.999	35.003.137.852



Phạm Thị Lưu Ly
Người lập



Hồ Thị Tuyết Loan
Kế toán trưởng




Võ Thị Mỹ Hạnh
Tổng Giám đốc


Ngày 15 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
01	1. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.1	1.744.052.858	2.596.980.683
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	28.1	-	(896.894)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	28.1	1.744.052.858	2.596.083.789
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	29	(1.161.641.244)	(2.252.265.604)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		582.411.614	343.818.185
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	28.2	1.144.837.768	133.724.686
22	7. Chi phí tài chính	30	(423.942.070)	(428.532.289)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(392.064.151)	(360.944.699)
24	8. Phần lỗ trong công ty liên kết	15.1	(3.354.844)	(13.592.521)
25	9. Chi phí bán hàng	31	(38.161.060)	(44.690.479)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	(257.662.479)	(95.310.496)
30	11. Lợi nhuận (lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh		1.004.128.929	(104.582.914)
31	12. Thu nhập khác	32	78.479.940	30.235.097
32	13. Chi phí khác	32	(42.218.023)	(497.451.200)
40	14. Lãi (lỗ) khác	32	36.261.917	(467.216.103)
50	15. Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế		1.040.390.846	(571.799.017)
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	33.1	(24.292.608)	(586.603)
52	17. (Chi phí) thu nhập thuế hoãn lại	33.2	(2.943.286)	12.899.722
60	18. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN		1.013.154.952	(559.485.898)
61	19. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế của công ty mẹ		1.014.519.028	(518.508.562)
62	20. Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát	26	(1.364.076)	(40.977.336)
70	21. Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND)	27	1.322.117	(676)
71	22. Lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu (VND)	27		(676)


Phạm Thị Lưu Ly
Người lập


Hồ Thị Tuyết Loan
Kế toán trưởng


Võ Thị Mỹ Hạnh
Tổng Giám đốc



Ngày 15 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Ngân VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế		1.040.390.846	(571.799.017)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	11, 12, 17	491.546.583	274.628.699
03	Các khoản (sử dụng) trích lập dự phòng		(108.111.042)	3.540.438
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		7.291.345	(5.812.273)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.206.987.554)	(99.528.540)
06	Chi phí lãi vay	30	392.064.151	360.944.699
08	Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		616.194.329	(38.025.994)
09	Giảm các khoản phải thu		574.872.661	282.258.223
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(106.929.380)	542.269.453
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		118.328.446	(431.583.607)
12	Tăng chi phí trả trước		(226.997.139)	(107.447.558)
14	Tiền lãi vay đã trả		(71.788.339)	(227.874.829)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	33.1	-	(193.268)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		903.680.578	19.402.420
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(1.476.026.509)	(1.827.055.319)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		210.131.350	313.823.745
23	Tiền chi cho các đơn vị khác vay		(205.705.040)	(312.187.480)
24	Tiền thu hồi cho vay		10.628.216	279.644.585
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(965.214.338)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.320.948.085	-
27	Tiền thu lãi cho vay và lãi tiền gửi		121.564.469	20.431.840
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(18.459.429)	(2.490.556.967)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		-	1.652.000.000
33	Tiền thu từ đi vay, mượn		1.576.762.283	2.906.440.810
34	Tiền trả nợ gốc vay, mượn		(1.379.959.316)	(2.331.729.393)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		196.802.967	2.226.711.417
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		1.082.024.116	(244.443.130)
60	Tiền đầu kỳ		311.458.305	331.961.020
70	Tiền cuối kỳ	5	1.393.482.421	87.517.890



Phạm Thị Lưu Ly
Người lập



Hồ Thị-Tuyết Loan
Kế toán trưởng




Võ Thị Mỹ Hạnh
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5900712753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư ("SKHĐT") Tỉnh Gia Lai cấp vào ngày 26 tháng 5 năm 2010 và mười lăm (15) GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Quyết định số 278/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 10 tháng 7 năm 2015.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có mười một (11) công ty con trực tiếp, mười (10) công ty con gián tiếp và hai (2) công ty liên kết. Chi tiết các công ty con như sau:

<i>Tên công ty con</i>	<i>Trụ sở</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>
(1) Công ty TNHH Công nghiệp và Nông nghiệp Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Sekong, Lào	Đang hoạt động	97,77
(2) Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	97,77
(3) Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắc Lắc	Đắc Lắc, Việt Nam	Đang hoạt động	99,53
(4) Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	100,00
(5) Công ty TNHH Hoàng Anh Ratanakiri	Ratanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	100,00
(6) Công ty TNHH Heng Brothers	Ratanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	100,00
(7) Công ty TNHH Hoàng Anh Oyadav	Ratanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	100,00
(8) Công ty TNHH CRD	Ratanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	100,00
(9) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Andong Meas	Ratanakiri, Campuchia	Đang hoạt động	97,77
(10) Công ty TNHH MTV Kinh doanh Xuất Nhập khẩu Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00
(11) Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,00
(12) Công ty Cổ phần Đông Pênh	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,90
(13) Công ty TNHH Một Thành viên Nông nghiệp Daun Penh	Ratanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	99,90
(14) Công ty Cổ phần An Đông Mia	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	69,50

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

<i>Tên công ty con</i>	<i>Trụ sở</i>	<i>Tình trạng hoạt động</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>
(15) Công ty TNHH MTV Hoàng Anh Lumphat	Ratanakiri, Campuchia	Trước hoạt động	69,50
(16) Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Cao su Đông Dương	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00
(17) Công ty TNHH Bình Phước Kratie 2	Kratie, Campuchia	Trước hoạt động	100,00
(18) Công ty TNHH Sovann Vuthy	Kratie, Campuchia	Trước hoạt động	100,00
(19) Công ty TNHH Đầu tư Cao su Đông Âu	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Trước hoạt động	100,00
(20) Công ty TNHH Cao su Eastern (Cambodia)	Kratie, Campuchia	Trước hoạt động	100,00
(21) Công ty Cổ phần Cao su Trung Nguyên	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	99,91

Tình trạng trước hoạt động là các công ty con đang trong giai đoạn đầu tư, vẫn chưa bắt đầu hoạt động kinh doanh chính vào ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") là chăn nuôi và kinh doanh bò thịt và bò sữa; trồng và kinh doanh cao su, cọ dầu và các loại cây trồng khác; sản xuất và mua bán cây giống; cung cấp dịch vụ trồng trọt và các vật liệu liên quan; xây dựng nhà các loại; xây dựng công nghiệp và các công trình dân dụng.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 3.315 (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 3.249).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Nhóm Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty con và Công ty.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng Nhóm Công ty, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Nhóm Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Nhóm Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con. Trong trường hợp Nhóm Công ty không còn nắm quyền kiểm soát các công ty con thì báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Nhóm Công ty vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty dự kiến khả năng thu hồi bị suy giảm tại ngày kết thúc kỳ kế toán, được lập theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228"). Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|--|---|
| Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ và hàng hóa | - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang | - Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng với chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường. |

Hàng hóa bất động sản

Bất động sản được mua hoặc được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Nhóm Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- ▶ Chi phí tiền sử dụng đất và tiền thuê đất;
- ▶ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, thể hiện giá trị của quyền sử dụng đất đã được Nhóm Công ty mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của quyền sử dụng đất được đánh giá là không có thời hạn hoặc có thời hạn. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn thể hiện giá trị tiền thuê đất được trích hao mòn theo thời gian thuê còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được trích hao mòn.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 20 năm
Phương tiện vận tải, thuyền dẫn	6 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Vật nuôi	8 năm
Quyền sử dụng đất	20 năm
Chương trình phần mềm	5 - 8 năm
Tài sản khác	8 - 15 năm

Vườn cây cao su và tiêu

Ban Giám đốc ước tính thời gian kiến thiết cơ bản ban đầu của vườn cây cao su và tiêu lần lượt là 7 năm và 3 năm tính từ thời điểm bắt đầu trồng. Theo đó, Nhóm Công ty bắt đầu chuyển vườn cây cao su và tiêu đang phát triển dở dang thành tài sản cố định và bắt đầu trích khấu hao sau khi kết thúc thời gian kiến thiết cơ bản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Khấu hao và hao mòn (tiếp theo)

Vườn cọ dầu

Căn cứ theo Báo cáo kết quả khảo sát, đánh giá vườn cây cọ dầu của Nhóm Công ty được thực hiện bởi Viện Khoa học Lâm nghiệp Nam Trung Bộ và Tây Nguyên vào tháng 8/2017, Ban Giám đốc Công ty đã quyết định thay đổi thời gian kiến thiết cơ bản ban đầu của vườn cây cao su từ 4,5 năm lên 6 năm, phù hợp với đặc điểm sinh trưởng, phát triển của các vườn cây cọ dầu của Nhóm Công ty tại Campuchia và Lào.

Khấu hao các vườn cây

Khấu hao đối với vườn cây cao su được thực hiện dựa trên Công văn số 1937/BTC-TCDN ngày 9 tháng 2 năm 2010 của Cục Tài chính Doanh nghiệp - Bộ Tài chính hướng dẫn trích khấu hao vườn cây cao su và Quyết định số 221/QĐ-CSVN ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây cao su theo chu kỳ khai thác 20 năm.

Khấu hao đối với vườn cây thanh long và tiêu được thực hiện dựa trên Quyết định số 115/17/QĐ-HAGL Agrico ngày 8 tháng 8 năm 2017 của Ban Giám đốc hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây thanh long và tiêu theo chu kỳ khai thác.

Chi tiết như sau:

Năm khai thác	Vườn cây cao su	Vườn cây thanh long	Tỷ lệ khấu hao (%)	
			Vườn cây tiêu	
Năm thứ 1	2,50	1,00	4,60	
Năm thứ 2	2,80	3,40	8,50	
Năm thứ 3	3,50	5,00	8,50	
Năm thứ 4	4,40	6,70	8,50	
Năm thứ 5	4,80	8,40	8,50	
Năm thứ 6	5,40	8,40	8,50	
Năm thứ 7	5,40	8,40	6,20	
Năm thứ 8	5,10	8,40	6,20	
Năm thứ 9	5,10	8,40	6,20	
Năm thứ 10	5,00	8,40	3,80	
Năm thứ 11	7,00	6,70	3,80	
Năm thứ 12	6,60	6,70	3,80	
Năm thứ 13	6,20	6,70	3,80	
Năm thứ 14	5,90	6,70	3,80	
Năm thứ 15	5,50	Giá trị còn lại	3,80	
Năm thứ 16	5,40		3,80	
Năm thứ 17	5,00		3,80	
Năm thứ 18	5,50		Giá trị còn lại	
Năm thứ 19	5,20			
Năm thứ 20	Giá trị còn lại			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng và phát triển nhà xưởng, văn phòng, vật kiến trúc, vườn cây cao su, cọ dầu, mía và các vườn cây khác của Nhóm Công ty mà chưa được hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Nhà xưởng, văn phòng và vật kiến trúc

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các nhà xưởng, văn phòng và vật kiến trúc của Nhóm Công ty như chi phí xây dựng, chi phí khảo sát, thiết kế và các chi phí có liên quan khác.

Vườn cây

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển vườn cây cao su, cây cọ dầu, vườn tiêu, vườn cây ăn quả và các vườn cây khác như chi phí khảo sát, đền bù đất, khai hoang, vườn ươm, phân bón, vận chuyển cây giống, nguyên vật liệu khác, chi phí nhân công, đường đi và hàng rào, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ, thuốc diệt cỏ và các chi phí có liên quan khác.

Dự án bò

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hình thành và phát triển dự án bò như giá trị bò giống, chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng, chuồng trại và các chi phí khác có liên quan.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm tiền lãi vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các năm mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất trả trước và chi phí phát triển vườn mía và vườn cây ăn quả và vườn cây khác. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

- ▶ Tiền thuê đất trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn, được phân bổ dần không quá ba năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ Chi phí phát triển cây ăn quả, vườn cỏ và vườn cây khác bao gồm: chi phí cây giống, chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn. Chi phí cây giống được phân bổ theo thời gian gắn liền với đặc tính sinh trưởng của cây. Chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn cây được phân bổ theo thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá gốc từ việc hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng giá gốc trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ Nhóm Công ty đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn so với số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

3.11 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư của Nhóm Công ty vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Nhóm Công ty. Thông thường, Nhóm Công ty được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Nhóm Công ty trong giá trị tài sản thuần của các công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Nhóm Công ty không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Nhóm Công ty trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Nhóm Công ty trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được hoặc lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Nhóm Công ty trong trường hợp cần thiết.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán được lập theo hướng dẫn của Thông tư 228 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Dự phòng

Nhóm Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Nhóm Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

3.14 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Nhóm Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Việc chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con mà việc ghi chép sổ sách được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Nhóm Công ty là VND được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi tương ứng theo tỷ giá mua và bán bình quân của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty mở tài khoản vào ngày kết thúc kỳ kế toán;
- Vốn được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày góp vốn;
- Doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí được quy đổi theo tỷ giá bình quân năm; và
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi khoản đầu tư được thanh lý.

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Nhóm Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.17 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Đối với việc ghi nhận doanh thu căn hộ, doanh thu được hạch toán khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:

- Nhóm Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu căn hộ cho người mua;
- Nhóm Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý căn hộ như người sở hữu căn hộ hoặc quyền kiểm soát căn hộ;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Nhóm Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán căn hộ; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán căn hộ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Các khoản tăng hoặc giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.18 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải nộp phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết khi Nhóm Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải ghi giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.19 Bên liên quan

Được coi là bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoạt động nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Nhóm Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Nhóm Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Nhóm Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Nhóm Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Nhóm Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Nhóm Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty chủ yếu được xác định dựa trên việc bán các sản phẩm (trồng cây, chăn nuôi, thương mại và dịch vụ và khác). Ban Giám đốc Công ty xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty dựa theo địa điểm của tài sản.

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG KỲ

Chuyển nhượng toàn bộ cổ phần trong Công ty Cổ phần Mía Đường Hoàng Anh Gia Lai và Công ty TNHH Mía Đường Hoàng Anh Attapeu

Vào ngày 22 tháng 5 năm 2017, Công ty đã hoàn thành việc chuyển nhượng toàn bộ 99,99% phần vốn góp trong Công ty Cổ phần Mía Đường Hoàng Anh Gia Lai và Công ty TNHH Mía Đường Hoàng Anh Attapeu ("Nhóm công ty Mía đường") với tổng giá bán là 1.330.000.000 ngàn VND cho các đối tác. Theo đó, số tiền lãi là 871.730.986 ngàn VND từ việc chuyển nhượng này được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ (*Thuyết minh số 28.2*).

Nhóm Công ty đã tiến hành điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 do ảnh hưởng của nghiệp vụ này như được trình bày tại Thuyết minh số 38.

Chuyển nhượng toàn bộ Cổ phần trong Công ty Cổ phần Hoàng Anh Ban Mê

Vào ngày 1 tháng 6 năm 2017, Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ 99,92% phần vốn góp trong Cổ phần trong Công ty Cổ phần Hoàng Anh Ban Mê với tổng giá bán là 130.000.000 ngàn VND cho một cá nhân, bên liên quan. Theo đó, số tiền lãi là 107.418.184 ngàn VND từ việc chuyển nhượng này được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ (*Thuyết minh số 28.2*).

5. TIỀN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
		(Trình bày lại – Thuyết minh số 38)
Tiền gửi ngân hàng	1.385.780.977	289.622.311
Tiền mặt	7.701.444	6.835.994
Các khoản tương đương tiền	-	15.000.000
TỔNG CỘNG	1.393.482.421	311.458.305

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại – Thuyết minh số 38)
		Ngân VND
Phải thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	945.827.710	862.166.725
- Công ty TNHH MTV Thương mại Thành An	88.459.515	8.512.668
- Công ty Xuất nhập khẩu Mittaphap	88.068.471	-
- Somphot Sayyachack	-	123.100.073
- Khác	769.299.724	730.553.984
Phải thu từ xây dựng sân bay cho Chính phủ Lào	726.292.806	727.713.177
Phải thu tiền thanh lý công ty con	130.000.000	-
Phải thu về các hoạt động khác	25.474.626	90.147.433
TỔNG CỘNG	1.827.595.142	1.680.027.335
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu từ các bên khác</i>	1.156.110.583	1.100.736.022
<i>Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 34)</i>	671.484.559	579.291.313
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(5.180.000)	(5.978.302)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.822.415.142	1.674.049.033

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại – Thuyết minh số 38)
		Ngân VND
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	1.194.686.349	1.537.124.896
- Pramoul Kaokitwlai	75.436.152	-
- Công ty TNHH Dairy Việt Nam	26.295.632	26.295.632
- Khác	1.092.954.565	1.510.829.264
Trả trước cho nhà thầu xây dựng và mua máy móc thiết bị	195.039.072	196.454.314
TỔNG CỘNG	1.389.725.421	1.733.579.210
<i>Trong đó:</i>		
<i>Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 34)</i>	1.213.385.850	1.613.397.390
<i>Trả trước cho bên khác</i>	176.339.571	120.181.820

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Ngắn hạn	507.480.068	399.490.706
Cho vay bên liên quan (Thuyết minh số 34) (i)	467.933.972	346.140.125
Cho vay các công ty và các cá nhân khác	39.546.096	53.350.581
- Phạm Ngọc Anh	38.000.000	-
- Cho vay Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Samaki (ii)	-	53.350.581
- Khác	1.546.096	-
Dài hạn	2.069.669.718	1.897.793.366
Cho vay bên liên quan (Thuyết minh số 34) (i)	1.939.699.884	1.815.702.624
Cho vay các công ty và các cá nhân khác	129.969.834	82.090.742
- Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Samaki (ii)	105.627.305	82.090.742
- Khác	24.342.529	-
TỔNG CỘNG	2.577.149.786	2.297.284.072

(i) Đây là các khoản cho vay tín chấp có thời hạn hoàn trả từ năm 2017 đến năm 2022 có lãi suất từ 6,5%/năm đến 13,0%/năm.

(ii) Đây là các khoản cho vay tín chấp có thời hạn hoàn trả từ năm 2021 đến năm 2022.

9. PHẢI THU KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
		(Trình bày lại – Thuyết minh số 38)
Ngắn hạn	551.990.868	841.151.542
Cho mượn các công ty	384.603.986	663.818.789
Lãi cho vay các công ty	118.394.851	119.212.551
Tạm ứng cho nhân viên	37.835.350	42.407.285
Khác	11.156.681	15.712.917
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu từ bên khác</i>	335.531.499	334.039.537
<i>Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 34)</i>	216.459.369	507.112.005
Dài hạn	686.295.763	627.242.448
Cho mượn các công ty	441.103.821	397.983.108
Lãi cho vay các công ty và cá nhân	118.479.313	81.356.191
Phải thu từ Hợp đồng hợp tác kinh doanh (*)	109.666.402	132.347.166
Ký quỹ, ký cược	16.459.727	14.973.481
Khác	586.500	582.502
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu từ bên liên quan (Thuyết minh số 34)</i>	669.234.116	588.990.280
<i>Phải thu từ bên khác</i>	17.061.647	38.252.168
TỔNG CỘNG	1.238.286.631	1.468.393.990

(*) Thể hiện khoản tiền góp vốn theo hợp đồng hợp tác kinh doanh dự án bỏ với Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Gia Lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. HÀNG TỒN KHO

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại – Thuyết minh số 38)
		Ngàn VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	836.103.645	1.352.549.175
<i>Trong đó:</i>		
<i>Hợp đồng xây dựng</i>	563.489.054	571.123.747
<i>Chi phí nuôi bò thịt (i)</i>	206.726.626	437.115.594
<i>Hoạt động sản xuất</i>	65.887.965	344.309.834
Giá trị các căn hộ sẵn sàng để bán (ii)	77.195.205	85.207.487
Công cụ, dụng cụ	74.176.752	68.200.942
Nguyên vật liệu	56.119.441	143.171.020
Thành phẩm	1.075.819	130.646.483
Hàng hóa	42.803.779	9.312.447
TỔNG CỘNG	1.087.474.641	1.789.087.554
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(26.391.988)	(293.291.607)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.061.082.653	1.495.795.947

(i) Tất cả bò thịt đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh số 24).

(ii) Các căn hộ sẵn sàng để bán đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh số 24).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

							Ngàn VND
	<i>Nhà cửa và vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc và thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Vật nuôi và cây trồng lâu năm</i>	<i>Tài sản khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 <i>(Trình bày lại – Thuyết minh số 38)</i>	1.949.502.619	1.970.977.122	1.683.360.604	1.310.463	2.392.058.180	19.035.847	8.016.244.835
Chuyển từ xây dựng cơ bản dờ dang	26.776.770	5.054.232	116.000.722	-	1.775.470.905	-	1.923.302.629
Mua trong kỳ	34.654.589	60.252.944	40.035.878	-	9.481.701	758.225	145.183.337
Thanh lý công ty con	(835.493.560)	(1.159.457.813)	(194.728.489)	(205.802)	-	(5.581.418)	(2.195.467.082)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(19.022.358)	(19.499.102)	(22.578.858)	(8.610)	(21.620.176)	(136.477)	(82.865.581)
Thanh lý trong kỳ	(207.623)	-	(3.628.652)	-	(196.012.627)	-	(199.848.902)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>1.156.210.437</u>	<u>857.327.383</u>	<u>1.618.461.205</u>	<u>1.096.051</u>	<u>3.959.377.983</u>	<u>14.076.177</u>	<u>7.606.549.236</u>
<i>Trong đó:</i>							
<i>Đã khấu hao hết</i>	3.475.452	19.362.353	13.812.432	717.646	-	1.321.281	38.689.164
Khấu hao lũy kế							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 <i>(Trình bày lại – Thuyết minh số 38)</i>	(297.284.384)	(412.049.871)	(260.027.911)	(1.084.204)	(224.264.340)	(8.571.683)	(1.203.282.393)
Khấu hao trong kỳ	(61.113.144)	(64.819.754)	(68.514.405)	(41.103)	(88.870.077)	(744.908)	(284.103.391)
Thanh lý công ty con	142.383.071	304.811.314	55.689.831	178.284	-	1.433.654	504.496.154
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.641.264	3.475.492	2.640.568	8.309	2.439.859	50.114	11.255.606
Thanh lý trong kỳ	90.304	-	1.307.963	-	61.286.148	-	62.684.415
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>(213.282.889)</u>	<u>(168.582.819)</u>	<u>(268.903.954)</u>	<u>(938.714)</u>	<u>(249.408.410)</u>	<u>(7.832.823)</u>	<u>(908.949.609)</u>
Giá trị còn lại							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>1.652.218.235</u>	<u>1.558.927.251</u>	<u>1.423.332.693</u>	<u>226.259</u>	<u>2.167.793.840</u>	<u>10.464.164</u>	<u>6.812.962.442</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>942.927.548</u>	<u>688.744.564</u>	<u>1.349.557.251</u>	<u>157.337</u>	<u>3.709.969.573</u>	<u>6.243.354</u>	<u>6.697.599.627</u>
<i>Trong đó:</i>							
<i>Thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (Thuyết minh số 24)</i>	890.033.673	365.611.309	1.349.557.251	157.337	3.709.969.573	4.082.275	6.319.411.418

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

	Ngàn VND		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Chương trình phần mềm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	6.648.075	48.197.185	54.845.260
Hao mòn lũy kế			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	(581.707)	(17.783.617)	(18.365.324)
Hao mòn trong kỳ	(166.201)	(2.991.498)	(3.157.699)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	(747.908)	(20.775.115)	(21.523.023)
Giá trị còn lại			
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	6.066.368	30.413.568	36.479.936
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	5.900.167	27.422.070	33.322.237

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Ngàn VND	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại – Thuyết minh số 38)</i>
Chi phí phát triển vườn cây cao su và cây cọ dầu (*)	10.845.929.855	11.830.017.268
Chi phí phát triển vườn cây ăn quả (*)	1.024.726.133	621.401.558
Xây dựng nhà máy sản xuất cọ dầu	397.095.145	379.158.960
Nhà cửa và vật kiến trúc (*)	337.573.507	318.657.348
Chi phí vườn tiêu	96.935.489	118.707.592
Chi phí dự án bò	-	6.637.816
Các công trình khác	69.923.896	85.805.328
TỔNG CỘNG	12.772.184.025	13.360.385.870

(*) Vườn cây cao su, cọ dầu, cây ăn quả, nhà cửa và vật kiến trúc và chi phí dự án bò đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Nhóm Công ty (Thuyết minh số 24).

14. CHI PHÍ LÃI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong kỳ, Nhóm Công ty đã vốn hóa các chi phí lãi vay trị giá 427.331.041 ngàn VND vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang (cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016: 793.789.753 ngàn VND). Các khoản chi phí lãi vay này phát sinh từ các khoản vay ngân hàng và phát hành trái phiếu để tài trợ vốn cho việc xây dựng và phát triển nhà cửa và vật kiến trúc, máy móc thiết bị, vườn cây cao su, cọ dầu và vườn cây ăn quả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<i>Ngân VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Đầu tư vào các công ty liên kết (Thuyết minh số 15.1)	<u>892.806.441</u>	<u>896.161.285</u>

15.1 Đầu tư vào các công ty liên kết

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

<i>Tên công ty liên kết</i>	<i>Lĩnh vực kinh doanh</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	
		<i>Tỷ lệ sở hữu %</i>	<i>Giá trị ghi sổ Ngân VND</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu %</i>	<i>Giá trị ghi sổ Ngân VND</i>
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai (*)	Chăn nuôi và cây ăn quả	23,46	602.547.665	23,46	609.017.978
Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar (**)	Trồng cây cao su	49,14	290.258.776	49,14	287.143.307
TỔNG CỘNG			<u>892.806.441</u>		<u>896.161.285</u>

(*) Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai ("CNGL"), là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5900988952, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 3 tháng 6 năm 2014. Hoạt động kinh doanh chính của CNGL là chăn nuôi và kinh doanh bò thịt, bò sữa và cây ăn quả.

(**) Công ty Cổ phần Cao su Bidiphar ("Bidiphar") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3503000155 do SKHĐT Tỉnh Bình Định cấp vào ngày 14 tháng 9 năm 2007 và theo các GCNĐKKD điều chỉnh. Hoạt động kinh doanh chính của Bidiphar là trồng, chăm sóc, khai thác và chế biến cao su.

Giá trị khoản đầu tư vào công ty liên kết vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 như sau:

	<i>Ngân VND</i>
Giá trị đầu tư	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>881.804.636</u>
Phần lợi nhuận lũy kế sau khi đầu tư	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	14.356.649
Lợi nhuận chưa thực hiện được trừ	(3.966.452)
Phần lợi nhuận từ công ty liên kết trong kỳ	<u>611.608</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>11.001.805</u>
Giá trị còn lại	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>896.161.285</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>892.806.441</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại – Thuyết minh số 38)
Chi phí phát triển vườn cây ăn quả	281.107.561	181.146.503
Chi phí khai hoang	198.793.894	109.957.794
Tiền thuê đất	63.427.394	64.100.399
Công cụ, dụng cụ	12.684.446	17.872.685
Chi phí phát triển vườn mía	-	552.158.941
Chi phí khác	30.746.390	26.458.681
TỔNG CỘNG	<u>586.759.685</u>	<u>951.695.003</u>

17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Ngàn VND
	Giá trị
Nguyên giá	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>4.085.709.858</u>
Phân bổ lũy kế	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	(179.534.460)
Phân bổ trong kỳ (Thuyết minh số 31)	<u>(204.285.493)</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>(383.819.953)</u>
Giá trị còn lại	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	<u>3.906.175.398</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>3.701.889.905</u>

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại – Thuyết minh số 38)
Phải trả người bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	653.352.410	599.509.033
- Công ty International Livestock Export Pty Ltd.	23.987.628	98.785.512
- Khác	629.364.782	500.723.521
Phải trả người bán máy móc và thiết bị	7.090.916	125.705.250
Phải trả nhà thầu xây dựng	5.309.234	4.065.719
Khác	151.118	16.812.152
TỔNG CỘNG	<u>665.903.678</u>	<u>746.092.154</u>
<i>Trong đó:</i>		
Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 34)	442.988.902	377.425.999
Phải trả cho bên khác	222.914.776	368.666.155

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại – Thuyết minh số 38)
Người mua trả tiền trước	155.799.143	209.052.910
- Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Bình Hà	103.163.300	103.163.300
- Ông Lim	23.329.000	22.796.000
- Khác	29.306.843	83.093.610
Bên liên quan trả tiền trước (Thuyết minh số 34)	128.008.950	46.433.384
TỔNG CỘNG	283.808.093	255.486.294

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại – Thuyết minh số 38)	Số tăng trong kỳ	Số giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2017
Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 33.1)	4.990.273	-	-	4.990.273
Thuế khác	320.599	42.852	(34.768)	328.683
TỔNG CỘNG	5.310.872	42.852	(34.768)	5.318.956
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	97.645.181	14.727.884	(966.121)	111.406.944
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 33.1)	15.450.074	24.292.608	(575.433)	39.167.249
Thuế thu nhập cá nhân	3.727.910	2.175.522	(1.921.101)	3.982.331
Thuế khác	3.331.571	163.997	(69.326)	3.426.242
TỔNG CỘNG	120.154.736	41.360.011	(3.531.981)	157.982.766

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại – Thuyết minh số 38)
Chi phí lãi vay	192.741.238	118.205.544
Khác	23.593.572	24.141.149
TỔNG CỘNG	216.334.810	142.346.693

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. PHẢI TRẢ KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại – Thuyết minh số 38)
Ngắn hạn	2.799.741.097	2.554.966.933
Phải trả tiền mượn các công ty và cá nhân	1.706.145.198	1.620.695.815
Phải trả lãi vay	1.009.262.429	762.023.950
Phải trả tiền thuê đất	42.030.874	83.353.623
Khác	42.302.597	88.893.545
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 34)</i>	<i>2.311.174.452</i>	<i>1.946.457.800</i>
<i>Phải trả cho bên khác</i>	<i>488.566.645</i>	<i>608.509.133</i>
Dài hạn	1.163.634.898	914.104.959
Phải trả về hợp tác kinh doanh (*)	550.000.000	550.000.000
Phải trả lãi vay	459.688.780	206.170.426
Phải trả tiền thuê đất	132.897.799	148.216.941
Phải trả tiền mượn	21.048.319	9.717.592
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 34)</i>	<i>796.327.384</i>	<i>686.237.677</i>
<i>Phải trả cho bên khác</i>	<i>367.307.514</i>	<i>227.867.282</i>
TỔNG CỘNG	<u>3.963.375.995</u>	<u>3.469.071.892</u>

(*) Hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Công ty Cổ phần Bò sữa Tây Nguyên (công ty con trong Nhóm Công ty), và Công ty TNHH An Tiến (“An Tiến”) (bên liên quan) để đầu tư vào dự án chăn nuôi bò thịt, bò sinh sản với tổng giá trị dự án là 963.968.249 ngàn VND và thời hạn 5 năm theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2016/HĐHT ngày 20 tháng 5 năm 2016. Theo đó, An Tiến sẽ góp 700 tỷ VND vốn đầu tư vào dự án. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, An Tiến đã góp số tiền là 550 tỷ VND. Việc hợp tác đầu tư này sẽ không hình thành pháp nhân mới và lợi nhuận từ dự án sẽ được chia theo tỷ lệ góp vốn thực tế của các bên.

23. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện khoản thuế nhà thầu trích trước liên quan đến các khoản vay của các công ty con ở ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại – Thuyết minh số 38)	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngàn VND Ngày 30 tháng 6 năm 2017
Vay ngắn hạn	2.658.329.502	1.638.672.245	(2.309.342.352)	1.987.659.395
Vay ngắn hạn ngân hàng (Thuyết minh số 24.1)	1.071.367.450	999.859.836	(851.087.141)	1.220.140.145
Vay ngắn hạn từ công ty và cá nhân (Thuyết minh số 24.2)	761.027.300	17.400.000	(717.070.000)	61.357.300
Vay ngắn hạn bên liên quan (Thuyết minh số 24.3)	7.823.000	414.119.000	-	421.942.000
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 24.4)	187.922.531	83.293.614	(110.354.795)	160.861.350
Vay dài hạn bên liên quan đến hạn trả (Thuyết minh số 24.6)	333.097.953	80.000.000	(333.097.953)	80.000.000
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả (Thuyết minh số 24.5)	297.091.268	43.999.795	(297.732.463)	43.358.600
Vay dài hạn	17.432.565.186	645.953.133	(1.987.371.829)	16.091.146.490
Vay dài hạn ngân hàng (Thuyết minh số 24.4)	5.964.217.509	154.614.898	(782.970.036)	5.335.862.371
Vay dài hạn trái phiếu (Thuyết minh số 24.5)	1.817.205.920	301.474.570	(49.358.601)	2.069.321.889
Vay dài hạn bên liên quan (Thuyết minh số 24.6)	9.651.141.757	186.863.665	(1.155.043.192)	8.682.962.230
Vay dài hạn cá nhân (Thuyết minh số 24.7)	-	3.000.000	-	3.000.000
TỔNG CỘNG	20.090.894.688	2.284.625.378	(4.296.714.181)	18.078.805.885

Nhóm Công ty đã hoàn thành việc tái cơ cấu các khoản nợ vay và trái phiếu với các bên cho vay, bao gồm Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam; Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng; Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín và Ngân hàng Liên doanh Lào Việt. Theo đó, Nhóm Công ty được các ngân hàng này cho gia hạn thời gian trả nợ gốc đối với dư nợ tín dụng và trái phiếu từ 4 – 10 năm; gia hạn thời gian trả nợ lãi từ 1 đến 3 năm, và giảm lãi suất, lãi phạt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VAY (TIẾP THEO)

24.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngân VND Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại – Thuyết minh số 38)</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	758.598.890	504.124.600
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong ("TPbank")	231.704.413	-
Ngân hàng Liên doanh Lào Việt ("Laos – Viet Bank")	117.473.472	349.778.076
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín ("Sacombank")	81.640.120	24.157.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ("HD Bank")	30.723.250	193.307.774
TỔNG CỘNG	<u>1.220.140.145</u>	<u>1.071.367.450</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i> <i>Ngân VND</i>	<i>Thời hạn thanh toán</i>	<i>Lãi suất %/năm</i>	<i>Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 10, 11 và 13)</i>
<i>BIDV, Chi nhánh Gia Lai</i>				
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 04/2015/6261950/HĐTD ngày 4 tháng 5 năm 2015 – Phụ lục số 01/2016/6261950 (*)	599.932.035	Từ ngày 6 tháng 7 năm 2017 đến ngày 26 tháng 1 năm 2018	6,8 – 10,4	Tài sản hình thành từ vốn vay thuộc dự án chăn nuôi bò thịt tại Huyện Chuprong, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/20155331375/HĐTD ngày 19 tháng 6 năm 2015	158.666.855	Từ ngày 29 tháng 11 năm 2017 đến ngày 16 tháng 4 năm 2018	9,30 – 11,60	Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai là vườn cây cao su 1.194,74 ha tại Huyện Ia Pa, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam; số dư tiền gửi ngân hàng 6.tỷ VND của HAG tại BIDV; một phần khu thương mại Bàu Thạc Gián tại Thành phố Đà Nẵng
TỔNG CỘNG	<u>758.598.890</u>			
<i>TPbank, Hội sở Thành phố Hà Nội</i>				
Hợp đồng số 2104/HĐTD/TPBANK ngày 21 tháng 4 năm 2017	<u>231.704.413</u>	Từ ngày 12 tháng 7 năm 2017 đến ngày 26 tháng 3 năm 2018	10% cho năm đầu tiên và các năm tính lãi tiếp theo thay đổi định kỳ 3 tháng/1 lần bằng tổng lãi suất tiết kiệm 3 tháng của TPbank cộng với biên độ 3,2%/năm (2017: 10%)	Quyền sử dụng đất 180,4 ha của Công ty Chăn Nuôi Gia Lai, bên liên quan và tài sản gắn liền trên đất tại Gia Lai; quyền sử dụng đất 925 ha và tài sản gắn liền trên đất tại Kratie, Campuchia

(*) Vào ngày 12 tháng 7 năm 2017, Nhóm Công ty đã tắt toán hết khoản vay ngắn hạn này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6	Nguyên tệ	Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 10, 11 và 13)
	năm 2017				
	Ngân VND				
<i>Laos - Viet Bank, Chi nhánh Attapeu</i>					
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 083/HĐ-LVB.ATP/2015 ngày 9 tháng 7 năm 2015	117.473.472	5.282.501	Ngày 9 tháng 7 năm 2017	8,00	Quyền sử dụng 3 lô đất 1.001,78 ha tại Huyện Laman, Tỉnh Sekong, Lào và toàn bộ tài sản trên đất thuộc dự án nuôi bò và đàn bò nhập khẩu
<i>Sacombank, Chi nhánh Campuchia</i>					
Hợp đồng tín dụng hạn mức số LD1716600008 ngày 15 tháng 6 năm 2017	23.317.620	1.000.000	Ngày 15 tháng 6 năm 2018	9,0	Quyền sử dụng đất tại Xã Talao, Huyện Ouchum, Tỉnh Ratanakiri và tại Xã Nhang, Huyện AndongMeas, Tỉnh Ratanakiri sở hữu bởi Công ty Cổ phần Hoàng Anh Oydav
Hợp đồng tín dụng hạn mức số LD1717200001 ngày 21 tháng 6 năm 2017.	23.329.000	1.000.000	Ngày 21 tháng 6 năm 2018	9,0	Đất tô nhượng và vườn cao su tại thôn Sre Thmay xã Khsum, huyện Snol, tỉnh Kro Ches, Campuchia
Hợp đồng tín dụng hạn mức số LD1717200004 ngày 11 tháng 4 năm 2017	23.329.000	1.000.000	Ngày 11 tháng 4 năm 2018	9,0	
Hợp đồng tín dụng hạn mức số LD1717200002 ngày 20 tháng 6 năm 2017	11.664.500	500.000	Ngày 20 tháng 6 năm 2018	9,0	
TỔNG CỘNG	81.640.120				
<i>HD Bank, Chi nhánh Gia Lai</i>					
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0481/2015/HĐTDHM - DN/170 ngày 12 tháng 9 năm 2016	30.723.250		- Ngày 12 tháng 7 năm 2017	10,5	Đàn bò thịt hình thành từ vốn vay

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.2 Vay ngắn hạn từ công ty và cá nhân

Chi tiết của các khoản vay ngắn hạn từ công ty và cá nhân như sau:

<i>Bên cho vay</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Thời hạn thanh toán</i>	<i>Lãi suất</i>
	<i>Ngân VND</i>		<i>%/năm</i>
<i>Bà Trần Thị Hữu Duyên</i>			
Khoản vay số 1	24.581.000	Ngày 27 tháng 8 năm 2017	7,00
Khoản vay số 2	8.948.000	Ngày 29 tháng 1 năm 2017	10,00
<i>Công ty Cổ phần Cảnh Hưng Đại Thành</i>			
Khoản vay số 3	18.000.000	Ngày 26 tháng 10 năm 2016	9,00
<i>Ông Vũ Duy Khương</i>			
Khoản vay số 4	9.200.000	Ngày 24 tháng 12 năm 2016	10,87
<i>Ông Chế Đức Toàn</i>			
Khoản vay số 5	628.300	Ngày 4 tháng 6 năm 2016	8,00
TỔNG CỘNG	<u>61.357.300</u>		

Các khoản vay công ty và cá nhân là các khoản vay tín chấp được sử dụng để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động và tài trợ cho các dự án kinh doanh của Nhóm Công ty. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Nhóm Công ty chưa thanh toán cho các khoản vay đến hạn này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.3 Các khoản vay ngắn hạn bên liên quan

Chi tiết của các khoản vay ngắn hạn bên liên quan như sau:

<i>Bên cho vay</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Thời hạn thanh toán</i>	<i>Lãi suất</i>
	<i>Ngàn VND</i>		<i>%/năm</i>
<i>Công ty Cổ phần Hưng Thịnh Lợi Gia Lai (Thuyết minh số 34)</i>			
Khoản vay số 1	414.119.000	Ngày 20 tháng 6 năm 2018	4,20
<i>Ông Dương Hoàng Bắc (Thuyết minh số 34)</i>			
Hợp đồng vay số 0511/2016/HĐVT/DHB-CSDD ngày 11 tháng 5 năm 2016	1.115.000	Ngày 11 tháng 5 năm 2017	10,00
Hợp đồng vay số 0606/2016/HĐVT/DHB-CSDD ngày 6 tháng 6 năm 2016	1.119.500	Ngày 6 tháng 6 năm 2017	10,00
Hợp đồng vay số 0608/2016/HĐVT/DHB-CSDD ngày 8 tháng 6 năm 2016	2.238.000	Ngày 8 tháng 6 năm 2017	10,00
Hợp đồng vay số 0722/2016/HĐVT/DHB-CSDD ngày 22 tháng 7 năm 2016	1.116.000	Ngày 22 tháng 7 năm 2017	10,00
Hợp đồng vay số 0812/2016/HĐVT/DHB-CSDD ngày 12 tháng 8 năm 2016	1.115.500	Ngày 12 tháng 8 năm 2017	10,00
Hợp đồng vay số 1104/2016/HĐVT/DHB-CSDD ngày 4 tháng 11 năm 2016	1.119.000	Ngày 4 tháng 11 năm 2017	10,00
TỔNG CỘNG	421.942.000		

Các khoản vay bên liên quan là các khoản vay tín chấp được sử dụng để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động và tài trợ cho các dự án kinh doanh của Nhóm Công ty. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Nhóm Công ty chưa thanh toán cho các khoản vay đến hạn này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.4 Vay dài hạn ngân hàng

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (Trình bày lại – Thuyết minh số 38)</i>
BIDV	2.345.214.188	3.093.845.163
HD Bank	1.138.453.077	1.042.206.160
Laos - Viet Bank	1.022.331.371	1.022.006.112
Sacombank	990.725.085	994.082.605
TỔNG CỘNG	5.496.723.721	6.152.140.040
<i>Trong đó:</i>		
<i>Vay dài hạn</i>	<i>5.335.862.371</i>	<i>5.964.217.509</i>
<i>Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả</i>	<i>160.861.350</i>	<i>187.922.531</i>

Các khoản vay này được sử dụng chủ yếu để tài trợ cho các dự án phát triển trồng cây cao su, cọ dầu, cây ăn quả, mua sắm máy móc thiết bị và các dự án nuôi bò của Nhóm Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i> <i>Ngàn VND</i>	<i>Nguyên tệ</i> <i>USD</i>	<i>Thời hạn thanh toán</i>	<i>Lãi suất</i> <i>%/năm</i>	<i>Tài sản thế chấp</i> <i>(Thuyết minh số 10, 11 và 13)</i>
<i>BIDV, Chi nhánh Bình Định</i>					
Hợp đồng vay số 01/2013/BIDV - Attapeu ngày 18 tháng 2 năm 2013	654.620.906	29.436.736	Từ ngày 25 tháng 12 năm 2017 đến ngày 25 tháng 06 năm 2023	Lãi suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 5,00% (2017: 7,50)	Căn hộ thuộc cao ốc Hoàng Văn Thụ, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam; quyền sử dụng 2.332 m ² đất tại hồ sinh thái Đổng Đa, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam; nhà máy đá Grannite HAGL tại Huyện Đăk Đoa, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam; quyền sử dụng 6.993,2 m ² đất tại Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam; 84 căn hộ thuộc khu căn hộ cao cấp HAGL-BIDV tại Tỉnh Đăk Lăk, Việt Nam; số dư tiền gửi không kỳ hạn 65.990.000 ngàn VND của HAG tại BIDV Quyền thuê đất và tài sản gắn liền trên đất bao gồm 5.588 ha cao su và 2.093,6 ha cọ dầu tại Tỉnh Attapeu, Lào

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 10, 11 và 13)
	Ngàn VND	Nguyên tệ Ngàn VND USD			
<i>BIDV, Chi nhánh Gia Lai</i>					
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/20155331375/HĐTD ngày 19 tháng 6 năm 2015	601.306.442	313.978.211 12.618.719	Từ ngày 13 tháng 3 năm 2019 đến ngày 28 tháng 12 năm 2019	USD 7,70 - 7,82; VND 9,30 - 11,60	Tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai là vườn cây cao su 1.194,74 ha tại Huyện Ia Pa, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam; số dư tiền gửi ngân hàng 6 tỷ VND của HAG tại BIDV; căn hộ và một phần khu thương mại Bà Thạc Gián tại Thành phố Đà Nẵng của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("HAG"), công ty mẹ; 3,31 triệu cổ phiếu HNG sở hữu bởi HAG
Hợp đồng vay số 01/2010/HĐTD ngày 1 tháng 4 năm 2010	730.414.422	- 32.077.928	Từ ngày 31 tháng 12 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2026	Lãi suất huy động tiết kiệm của BIDV bằng USD kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 4,70% (2017: 7,05 - 7,20)	Quyền sử dụng đất và vườn cây cao su với quy mô 9.996,9 ha tại Huyện Saysetha và Huyện Phu Vong, Tỉnh Attapeu, Lào

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 10, 11 và 13)
	Ngàn VND	Nguyên tệ Ngàn VND USD			
<i>BIDV, Chi nhánh Gia Lai (tiếp theo)</i>					
Hợp đồng vay số 01/2015/6261950/HĐTD ngày 4 tháng 5 năm 2015 (*)	218.359.830	218.359.830	- Từ ngày 4 tháng 7 năm 2017 đến ngày 4 tháng 5 năm 2022	Lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn lớn hơn 12 tháng do BIDV thông báo + 3,20% (2017: 12,00)	Tài sản hình thành từ vốn vay, dự án chăn nuôi bò thịt tại Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2015/6261950/HĐTD ngày 4 tháng 5 năm 2015 (*)	74.544.317	74.544.317	- Từ ngày 4 tháng 7 năm 2017 đến ngày 4 tháng 5 năm 2022	Lãi suất bán vốn nội bộ kỳ hạn lớn hơn 12 tháng do BIDV thông báo + 3,20% (2017: 9,90 – 12,3)	Tài sản hình thành từ vốn vay, dự án chăn nuôi bò thịt tại Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 05/2015/6261950/HĐTD ngày 1 tháng 12 năm 2015 (*)	65.968.271	65.968.271	- Từ ngày 5 tháng 12 năm 2017 đến ngày 5 tháng 9 năm 2022	Lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng + 3,00% nhưng không thấp hơn tại thời điểm cho vay, điều chỉnh 3 tháng 1 lần (2017: 9,90)	Tài sản hình thành từ vốn vay, dự án chăn nuôi bò thịt tại Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
TỔNG CỘNG	2.345.214.188				
<i>Trong đó :</i>					
Vay dài hạn	2.238.167.381				
Vay dài hạn đến hạn trả	107.046.807				

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, giá trị tài sản đảm bảo của các khoản vay này của Ngân hàng BIDV, Chi nhánh Gia Lai không bằng tổng giá trị tài sản trên hợp đồng cầm cố tài sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VAY (TIẾP THEO)

24.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 10, 11 và 13)
	Ngân VND	Nguyên tệ Ngân VND USD			
<i>HD Bank, Chi nhánh Đồng Nai</i>					
Hợp đồng vay số 0044/2014/HĐTDTDH-ĐN ngày 25 tháng 4 năm 2014	878.692.452	450.000.000 18.827.073	Từ ngày 25 tháng 6 năm 2020 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023	Điều chỉnh 2 lần mỗi năm (2017: USD 7,00 - 7,50 và VND 10,50 - 12,00)	42.880.000 cổ phiếu HAG của Chủ tịch Đoàn Nguyên Đức và Bà Hoàng Thị Ngọc Bích - vợ Chủ tịch Quyền sử dụng 7.924 ha đất tại Tỉnh Ratanikiri, Campuchia và tài sản gắn liền trên đất
<i>HD Bank, Chi nhánh Đắk Lắk</i>					
Hợp đồng vay số 1762/2015/HĐTDTDH - DN ngày 2 tháng 12 năm 2015	62.960.625	62.960.625	- Từ ngày 26 tháng 12 năm 2017 đến ngày 2 tháng 12 năm 2020	Lãi suất thả nổi (2017: 10,50 - 11,25)	Tài sản hình thành từ vốn vay, đàn bò và bê con thuộc dự án chăn nuôi bò

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

<i>Ngân hàng</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Nguyên tệ</i>	<i>Thời hạn thanh toán</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 10, 11 và 13)</i>
	<i>Ngàn VND</i>	<i>USD</i>		<i>%/năm</i>	
<i>HD Bank, Chi nhánh Gia Lai</i>					
Hợp đồng vay số 0588/16/HĐLĐTDH - DN/170/DNGN-KUNN/DN/01 ngày 30 tháng 9 năm 2016	99.800.000	-	Từ ngày 30 tháng 9 năm 2019 đến ngày 30 tháng 9 năm 2021	12,50	Toàn bộ cây ăn quả và quyền khai thác hình thành trong tương lai của dự án trồng cây ăn quả bao gồm cả nguồn thu, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ dự án.
Hợp đồng vay số 9451/17/HĐLĐTDH-PN/170 ngày 1 tháng 7 năm 2017	97.000.000	-	Từ ngày 30 tháng 6 năm 2018 đến ngày 30 tháng 6 năm 2020	13,00	Toàn bộ cây ăn trái và quyền khai thác hình thành trong tương lai của dự án; toàn bộ đàn bò
TỔNG CỘNG	<u>1.138.453.077</u>				
<i>Trong đó :</i>					
<i>Vay dài hạn</i>	<i>1.124.103.912</i>				
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>14.349.165</i>				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 10, 11 và 13)
	Ngân VND	Nguyên tệ Ngân LAK USD			
<i>Laos- Viet Bank, Chi nhánh Attapeu</i>					
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 098/HĐLVB.ATP/2015 ngày 5 tháng 8 năm 2015	311.451.875	- 14.005.246	Từ ngày 25 tháng 11 năm 2018 đến ngày 25 tháng 8 năm 2022	10,00	Trụ sở làm việc của công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu, Công ty con tại Km 31, Bản Hatxan, Huyện Xaysettha, Tỉnh Attapeu, Lào theo bản đồ đất số 17 001 0008
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 010/2013/LVB - ATTAPEU ngày 15 tháng 3 năm 2013	275.984.447	39.355.143 7.649.850	Ngày 21 tháng 6 năm 2018 đến ngày 14 tháng 3 năm 2023	USD: điều chỉnh 2 lần một năm (2017: 9,50 - 11,00). LAK: lãi suất tiết kiệm 13 tháng + 3,00%, điều chỉnh 2 lần một năm (2017: 12,75 - 13,75)	Diện tích đất 0,3 ha của Nhà máy chế biến mù cao su tại Huyện Xaysettha, Tỉnh Attapeu, Lào và toàn bộ đàn bò nhập về của công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu;
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 097/HĐ-LVB.ATP/2015 - ngày 16 tháng 3 năm 2015	110.890.918	- 4.986.500	Từ ngày 25 tháng 11 năm 2018 đến ngày 25 tháng 8 năm 2022	8,75	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2017			Thời hạn thanh toán	Lãi suất % năm	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 10, 11 và 13)
	Ngân VND	Nguyên tệ				
		Ngàn LAK	USD			
<i>Laos - Viet Bank, Chi nhánh Attapeu (tiếp theo)</i>						
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 083/HĐ - LVB.ATP/2015 ngày 9 tháng 7 năm 2015	222.993.851	- 10.027.500		Từ ngày 25 tháng 1 năm 2019 đến ngày 25 tháng 10 năm 2022	9,50 - 10,00	Quyền sử dụng 3 lô đất 1.001,78 ha tại Huyện Laman, Tỉnh SeKong, Lào và toàn bộ tài sản trên đất thuộc dự án nuôi bò và đàn bò nhập khẩu
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 124/HĐ-LVB/2015 ngày 25 tháng 11 năm 2015	101.010.280	- 4.542.191		Từ ngày 25 tháng 2 năm 2017 đến ngày 30 tháng 11 năm 2020	Lãi suất thả nổi (2017: 9,50 - 10,50)	Tất cả các dụng cụ xây dựng, vật tư máy móc phục vụ cho dự án xây dựng nhà máy chế biến cọ dầu phát sinh sau khi bỏ vốn đầu tư
TỔNG CỘNG	1.022.331.371					
<i>Trong đó :</i>						
Vay dài hạn	982.865.993					
Vay dài hạn đến hạn trả	39.465.378					

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2017			Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 10, 11 và 13)
	Ngàn VND	Nguyên tệ Ngàn VND USD				
<i>Sacombank, Chi nhánh Sài Gòn</i>						
Hợp đồng tín dụng hạn mức số LD1636300050 ngày 28 tháng 12 năm 2016	300.000.000	300.000.000	-	Từ ngày 28 tháng 6 năm 2020 đến ngày 28 tháng 12 năm 2021	Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng + 2,5% một tháng, điều chỉnh 3 lần một năm (2017: 10,00)	Quyền sử dụng 3.467 ha rừng cao su và tài sản gắn liền trên đất tại Tỉnh Gia Lai được CSTN trồng và khai thác Quyền sử dụng đất 687,9 ha cao su và tài sản gắn liền trên đất tại Huyện Ea H'leo, Tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam 18,57 triệu cổ phiếu HAG của Chủ tịch Đoàn Nguyễn Đức 14,5 triệu cổ phiếu HNG của Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai 4,99 triệu cổ phần Công ty Cổ phần Hoàng Anh Quang Minh, công ty con
Hợp đồng tín dụng số LD1400300153 ngày 3 tháng 1 năm 2014	262.454.605	262.454.605	-	Tháng 12 năm 2021 đến tháng 12 năm 2026	2017: 9,5% và từ 2018 trở đi bằng lãi suất tiết kiệm 13 tháng lãnh lãi cuối kỳ của Sacombank + biên độ 2% được điều chỉnh 3 tháng/lần	23,2 triệu cổ phiếu HAG của Chủ tịch Đoàn Nguyễn Đức; 14,5 triệu Cổ phần Công ty CP Hoàng Anh Quang Minh, công ty con

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		Thời hạn thanh toán	Lãi suất %/năm	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 10, 11 và 13)
	Ngàn VND	Nguyên tệ Ngàn VND USD			
<i>Sacombank, Chi nhánh Thủ Đức</i>					
Hợp đồng tín dụng số LD1333200419 ngày 29 tháng 11 năm 2013	250.000.000	250.000.000 -	Từ ngày 25 tháng 12 năm 2021 đến ngày 25 tháng 12 năm 2026	Lãi suất thả nổi (2017: 10,00 - 11,85)	Quyền sử dụng đất 1.328,1 ha cao su và tài sản gắn liền trên đất tại Huyện Chuprong; quyền sử dụng đất 479,2 ha tại Xã EaH'leo, Huyện EaH'leo giá trị 95,84 tỷ VND và 683,33 ha tại Xã EaH'leo, Huyện EaH'leo, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
Hợp đồng tín dụng hạn mức số LD1623900077 ngày 10 tháng 11 năm 2016	85.000.000	85.000.000 -	Từ ngày 25 tháng 4 năm 2020 đến ngày 11 tháng 10 năm 2021	9,5%/năm cho năm đầu tiên và các năm tiếp theo bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm 13 tháng trả sau của SCB cộng biên độ 2,5%/năm (2017:9.5%)	Quyền sử dụng 1.328 ha cao su và tài sản gắn liền trên đất tại Ia Púch, Huyện Chư Prông, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam
<i>Sacombank, Chi nhánh Campuchia</i>					
Hợp đồng tín dụng số D1616880002 ngày 16 tháng 6 năm 2016	93.270.480	- 4.000.000	Ngày 23 tháng 6 năm 2021	9,00	Quyền sử dụng đất thuê lâu dài tại Xã Talao, Huyện Ouchum và Xã Nhang, Huyện Andong Meas, Tỉnh Ratanakiri, Campuchia
TỔNG CỘNG	990.725.085				
Trong đó:					
Vay dài hạn	990.725.085				
Vay dài hạn đến hạn trả	-				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.5 Trái phiếu

Trái phiếu thường

Chi tiết các trái phiếu thường vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 được trình bày như sau:

Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Ngày 30 tháng 6 năm 2017 Ngân VND	Lãi suất %/năm	Thời hạn thanh toán	Mục đích	Tài sản thế chấp
Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ("VPB") (*) Ngân hàng TMCP Quốc Dân	1.394.000.000 300.000.000	10,5% cho 3 kỳ tính lãi đầu tiên và các kỳ tính lãi tiếp theo bằng tổng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của VPB - Chi nhánh Sở Giao dịch cộng với biên độ 4,5%/năm (2017: 10,8 – 11,6%)	Từ ngày 17 tháng 8 năm 2019 đến ngày 17 tháng 12 năm 2021 Từ ngày 17 tháng 2 năm 2019 đến ngày 17 tháng 12 năm 2021	Mục đích phát hành trái phiếu này là để cơ cấu lại một phần nợ gốc trái phiếu có tổng mệnh giá 2.000 tỷ VND được phát hành vào tháng 12 năm 2012, bổ sung vốn cho các dự án đầu tư của Nhóm Công ty bao gồm dự án trồng và chăm sóc cây cao su, cọ dầu và mía đường tại Campuchia và Lào	181.717.250 cổ phiếu HNG được nắm giữ bởi Công ty Cổ Phần Hoàng Anh Gia Lai ("HAG"). Trong đó, 31.000.000 cổ phiếu HNG đã được dùng để đảm bảo cho trái phiếu có tổng mệnh giá 600 tỷ VND - Trái phiếu HAGL 600 do HAG phát hành
Công ty Cổ phần chứng khoán IB	VPB	431.000.000	10,5% cho 3 kỳ tính lãi đầu tiên và các kỳ tính lãi tiếp theo bằng tổng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của VPB cộng với biên độ 4,0% (2017: 10,5 - 11,0)	Từ ngày 27 tháng 3 năm 2018 đến ngày 27 tháng 12 năm 2020	Mục đích phát hành trái phiếu này là để cơ cấu lại nợ lãi trái phiếu của trái phiếu mệnh giá 1.400 tỷ VND	234.484.450 cổ phiếu HNG được nắm giữ bởi HAG; và toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất đối với 7.376 ha đất tại Huyện Lumphat, Tỉnh Ratanakiri, Campuchia thuộc sở hữu của các công ty con và 4.700.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Chủ tịch Đoàn Nguyễn Đức
Chi phí phát hành trái phiếu		(12.319.511)				
TỔNG CỘNG		2.112.680.489				
Trong đó:						
Trái phiếu dài hạn		2.069.321.889				
Trái phiếu dài hạn đến hạn		43.358.600				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.5 Trái phiếu (tiếp theo)

Trái phiếu thường (tiếp theo)

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, giá trị tài sản đảm bảo không bằng tối thiểu 200% tổng mệnh giá trái phiếu theo điều khoản ràng buộc trong hợp đồng bảo đảm đã ký kết. Theo thỏa thuận gia hạn trái phiếu ngày 10 tháng 2 năm 2017, VP Bank, trái chủ của khoản trái phiếu 1.400 tỷ VND đã đồng ý gia hạn thời gian hoàn trả trái phiếu và thời gian hoàn trả mới là từ ngày 17 tháng 8 năm 2019 đến ngày 17 tháng 12 năm 2021.

Trái phiếu kèm chứng quyền

Vào ngày 5 tháng 12 năm 2012, Công ty đã phát hành 20.000 trái phiếu với tổng giá trị là 2.000 tỷ VND (mệnh giá cho mỗi trái phiếu là 100 triệu VND) do Công ty chứng khoán ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng "VPBS" thu xếp phát hành. Trái phiếu này phải hoàn trả sau ba (3) năm và được ân hạn thêm một (1) năm. Công ty đã mua lại 17.000 trái phiếu với tổng mệnh giá là 1.700 tỷ VND vào ngày 17 tháng 11 năm 2015 và 3.000 trái phiếu còn lại với tổng mệnh giá là 300 tỷ VND vào ngày 18 tháng 5 năm 2016.

Ngoài ra, mỗi trái phiếu phát hành kèm theo một chứng quyền và các chứng quyền này sẽ được coi là chứng khoán hoàn toàn độc lập với các trái phiếu ngay sau khi được phát hành. Mỗi chứng quyền sẽ cho phép người nắm giữ có quyền mua một số lượng cổ phần của Công ty tương đương với 0,000775% tổng số vốn điều lệ thực góp của Công ty tại thời điểm đã thực hiện xong tất cả các chứng quyền và theo nguyên tắc là tất cả các chứng quyền trong đợt phát hành này nếu được thực hiện toàn bộ sẽ luôn đảm bảo cho những người sở hữu chứng quyền quyền sở hữu đối với 15,5% tổng số vốn điều lệ thực góp của Công ty tại thời điểm đã thực hiện xong tất cả các chứng quyền.

Vào ngày 23 tháng 6 năm 2015, theo thỏa thuận giữa ECS - công ty sở hữu 20.000 chứng quyền và Công ty, ngày hết hạn của chứng quyền được gia hạn thêm hai (2) năm. Theo đó, thời hạn thực hiện quyền mua cổ phần theo chứng quyền được tăng từ bốn (4) năm lên sáu (6) năm kể từ ngày phát hành chứng quyền, tức là ngày 5 tháng 12 năm 2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.6 Các khoản vay dài hạn bên liên quan

Chi tiết của các khoản vay dài hạn bên liên quan như sau:

<i>Bên cho vay</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017 Ngàn VND</i>	<i>Thời hạn thanh toán</i>	<i>Lãi suất %/năm</i>
<i>HAG, Công ty mẹ (Thuyết minh số 34)</i>			
Hợp đồng vay số 10/HĐVHAGL-NNQT ngày 7 tháng 12 năm 2016	3.218.877.000	Ngày 7 tháng 12 năm 2021	4,20
Hợp đồng vay số 09.2016/HĐVHAGL-HATTAPEU ngày 1 tháng 9 năm 2016	1.321.098.855	Ngày 1 tháng 9 năm 2021	8,00
Hợp đồng vay số 01-01/2016/HĐV-HAGL ngày 1 tháng 1 năm 2016	1.189.809.533	Ngày 1 tháng 1 năm 2019	4,20
Hợp đồng hợp tác kinh doanh - 36 tháng - HAGL ngày 28 tháng 8 năm 2015	600.000.000	Ngày 28 tháng 8 năm 2018	10,77
Hợp đồng vay số 04/2014/HĐV-HAGL ngày 1 tháng 4 năm 2014	500.000.000	Ngày 3 tháng 4 năm 2019	9,75
Hợp đồng vay số 25-07/2015/HĐV-HAGL ngày 25 tháng 7 năm 2015	234.292.849	Ngày 25 tháng 7 năm 2020	9,30 – 9,75
Hợp đồng vay số 07/2013/HĐV-HAGL ngày 8 tháng 7 năm 2013	60.429.920	Từ ngày 30 tháng 4 năm 2017 đến ngày 30 tháng 12 năm 2027	9,75
Hợp đồng vay số 03/2014/HĐV-HAGL ngày 6 tháng 11 năm 2014	300.000.000	Ngày 6 tháng 3 năm 2020	9,75
Hợp đồng vay số 0507/HTKD/HAGL-CSHAQM ngày 5 tháng 7 năm 2015	300.000.000	Ngày 7 tháng 7 năm 2018	9,75
Hợp đồng vay số 01-01/2016/HĐV-HAGL ngày 1 tháng 1 năm 2016	273.507.200	Ngày 1 tháng 1 năm 2019	12,50
Hợp đồng vay số 2402/HĐV-HAGL ngày 24 tháng 2 năm 2016	43.145.733	Ngày 24 tháng 2 năm 2019	10,50
Hợp đồng vay số 04/2015/HĐV-HAGL ngày 6 tháng 1 năm 2015	80.000.000	Ngày 06 tháng 1 năm 2018	9,75
Hợp đồng vay số 02-06/HĐV-HAGL ngày 1 tháng 6 năm 2016	73.076.978	Ngày 22 tháng 3 năm 2019	10,00
Hợp đồng vay số 01/2013/HĐV-HAGL ngày 17 tháng 5 năm 2013 - Phụ lục 01/2013/HĐV-HAGL-PL1 ngày 1 tháng 6 năm 2016	66.073.000	Ngày 17 tháng 5 năm 2019	4,20 – 12,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VAY (tiếp theo)

24.6 Các khoản vay dài hạn bên liên quan (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay dài hạn bên liên quan như sau: (tiếp theo)

<i>Bên cho vay</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Thời hạn thanh toán</i>	<i>Lãi suất</i>
	<i>Ngàn VND</i>		<i>%/năm</i>
<i>Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("HAG"), Công ty mẹ (Thuyết minh số 34) (tiếp theo)</i>			
Hợp đồng vay số 03-2017/HĐVHAGL-BSTN ngày 31 tháng 3 năm 2017	12.567.123	Ngày 31 tháng 3 năm 2022	12,00
Hợp đồng vay số 01/HĐVHAGL ngày 14 tháng 1 năm 2016	31.908.500	Ngày 14 tháng 1 năm 2019	6,00
Hợp đồng vay số 12/HĐVHAGL-ADM ngày 30 tháng 12 năm 2016	34.007.539	Ngày 30 tháng 12 năm 2023	10,00
<i>Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai (Thuyết minh số 34)</i>			
Hợp đồng vay số 28/09/16-HĐV ngày 28 tháng 9 năm 2016	298.000.000	Ngày 28 tháng 9 năm 2018	6,00
<i>Công ty Cổ Phần Thủy Điện Hoàng Anh Gia Lai (Thuyết minh số 34)</i>			
Hợp đồng vay số 02/17/TĐHAGL-NNQT ngày 7 tháng 12 năm 2016	126.168.000	Ngày 17 tháng 2 năm 2020	5,00
TỔNG CỘNG	<u>8.762.962.230</u>		
<i>Trong đó:</i>			
<i>Vay dài hạn</i>	8.682.962.230		
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	80.000.000		

Các khoản vay bên liên quan là các khoản vay tín chấp được sử dụng để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động và tài trợ cho các dự án kinh doanh của Nhóm Công ty.

24.7 Các khoản vay dài hạn từ cá nhân

Chi tiết của các khoản vay dài hạn từ cá nhân như sau:

<i>Bên cho vay</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Thời hạn thanh toán</i>	<i>Lãi suất</i>
	<i>Ngàn VND</i>		<i>%/năm</i>
<i>Huỳnh Trần Thanh Phương</i>			
Hợp đồng vay số 01/2017HĐV/CSTN-HTTP ngày 28 tháng 06 năm 2017	<u>3.000.000</u>	Ngày 29 tháng 6 năm 2019	6,50

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

25.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

	Ngân VND				
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016					
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2016	7.081.438.950	2.550.810	443.148.354	2.126.574.755	9.653.712.869
Lỗ thuần trong kỳ	-	-	-	(518.508.562)	(518.508.562)
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	590.000.000	1.062.000.000	-	-	1.652.000.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	30.425.921	-	30.425.921
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>7.671.438.950</u>	<u>1.064.550.810</u>	<u>473.574.275</u>	<u>1.608.066.193</u>	<u>10.817.630.228</u>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017					
Vào ngày 1 tháng 1 năm 2017 (Trình bày lại – Thuyết minh số 38)	7.671.438.950	1.064.550.810	544.709.749	391.660.270	9.672.359.779
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	1.014.519.028	1.014.519.028
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	(255.126.722)	-	(255.126.722)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	<u>7.671.438.950</u>	<u>1.064.550.810</u>	<u>289.583.027</u>	<u>1.406.179.298</u>	<u>10.431.752.085</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

25.2 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	767.143.895	767.143.895
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	767.143.895	767.143.895
Cổ phiếu phổ thông	767.143.895	767.143.895
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	767.143.895	767.143.895
Cổ phiếu phổ thông	767.143.895	767.143.895

Cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

26. LỢI ÍCH CÓ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngàn VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Số đầu kỳ	59.662.494	225.915.036
Lỗ trong kỳ	(1.364.076)	(40.977.336)
Cổ tức đã trả cho cổ đông không kiểm soát	-	(825.000)
Thanh lý công ty con	(11.772.954)	-
Số cuối kỳ	46.525.464	184.112.700

27. LÃI (LỖ) TRÊN CỔ PHIẾU

Nhóm Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi (lỗ) cơ bản và lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Lợi nhuận (lỗ) sau thuế thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (ngàn VND)	1.014.519.028	(518.508.562)
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	767.143.895	767.143.895
Tăng số lượng cổ phiếu bình quân do ảnh hưởng của cổ phiếu tiềm năng phát sinh từ quyền mua cổ phiếu (i)	140.718.703	140.718.703
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong kỳ đã được điều chỉnh do các yếu tố suy giảm	907.862.598	907.862.598
Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.322	(676)
Lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu (VND)	1.117	(676)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. LÃI (LỖ) TRÊN CỔ PHIẾU (tiếp theo)

(i) Như đã trình bày tại Thuyết minh số 24.5 của báo cáo tài chính hợp nhất, vào ngày 5 tháng 12 năm 2012, Nhóm Công ty đã phát hành 2.000 tỷ VND trái phiếu kèm chứng quyền với mệnh giá 100 triệu VND/trái phiếu. Các chứng quyền này có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu trong tương lai.

28. DOANH THU

28.1 Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngàn VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Doanh thu gộp	1.744.052.858	2.596.980.683
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán trái cây	808.652.723	-
Doanh thu bán bò	436.166.329	1.864.372.813
Doanh thu bán mũ cao su	212.498.987	15.756.190
Doanh thu bán hàng hóa	181.241.355	165.566.546
Doanh thu bán các sản phẩm ngành đường	80.764.242	369.844.648
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ	16.732.979	27.785.217
Doanh thu bán căn hộ	7.996.243	17.254.301
Doanh thu bán bắp	-	136.400.968
Các khoản giảm trừ - giảm giá hàng bán	-	(896.894)
Doanh thu thuần	1.744.052.858	2.596.083.789
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán trái cây	808.652.723	-
Doanh thu bán bò	436.166.329	1.863.475.919
Doanh thu bán mũ cao su	212.498.987	15.756.190
Doanh thu bán hàng hóa	181.241.355	165.566.546
Doanh thu bán các sản phẩm ngành đường	80.764.242	369.844.648
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ	16.732.979	27.785.217
Doanh thu bán căn hộ	7.996.243	17.254.301
Doanh thu bán bắp	-	136.400.968

28.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngàn VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Lãi từ thanh lý công ty con	979.149.170	-
Lãi tiền cho vay	157.677.292	80.180.188
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	7.081.427	49.460.042
Khác	929.879	4.084.456
TỔNG CỘNG	1.144.837.768	133.724.686

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Giá vốn trái cây	372.021.587	-
Giá vốn bò	351.242.270	1.653.413.570
Giá vốn mù cao su	161.054.048	18.347.665
Giá vốn hàng hóa	165.218.145	158.412.739
Giá vốn của các sản phẩm ngành đường	92.493.950	257.591.977
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	11.446.710	80.096.729
Giá vốn căn hộ	8.164.534	17.035.482
Giá vốn bắp	-	67.367.442
TỔNG CỘNG	<u>1.161.641.244</u>	<u>2.252.265.604</u>

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí lãi vay	392.064.151	360.944.699
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	17.879.419	63.847.124
Khác	13.998.500	3.740.466
TỔNG CỘNG	<u>423.942.070</u>	<u>428.532.289</u>

31. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Chi phí bán hàng	38.161.060	44.690.479
Chi phí vận chuyển	23.727.122	32.654.170
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.134.750	10.364.126
Chi phí nhân viên	4.336.622	349.626
Chi phí khấu hao	815.236	703.700
Khác	147.330	618.857
Chi phí quản lý doanh nghiệp	257.662.479	95.310.496
Phân bổ lợi thế thương mại	204.285.493	22.612.745
Chi phí nhân viên	27.283.333	37.925.074
Chi phí khấu hao và hao mòn	6.912.661	10.123.511
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.281.657	12.572.975
Khác	10.899.335	12.076.191
TỔNG CỘNG	<u>295.823.539</u>	<u>140.000.975</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Thu nhập khác	78.479.940	30.235.097
Thu nhập từ thanh lý tài sản	74.273.840	28.923.912
Khác	4.206.100	1.311.185
Chi phí khác	42.218.023	497.451.200
Khấu hao tài sản ngưng sử dụng	5.895.019	693.420
Lỗ từ đánh giá lại các tài sản không hiệu quả	-	473.559.413
Khác	36.323.004	23.198.367
LỖ KHÁC	36.261.917	(467.216.103)

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") bằng 20% trên thu nhập chịu thuế (2016: 20%).

Các công ty con của Công ty tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất là 24% trên thu nhập chịu thuế cho các hoạt động kinh doanh chính và 2% trên thu nhập chịu thuế cho hoạt động chuyển nhượng dự án. Các công ty con của Công ty tại Vương quốc Campuchia có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế cho các hoạt động kinh doanh chính. Các công ty con này cũng được hưởng ưu đãi, miễn, giảm thuế TNDN theo các GCNĐKKD, Giấy phép Đầu tư tương ứng và các luật thuế hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

33.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Nhóm Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

33.1 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngàn VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Chi phí thuế TNDN hiện hành	24.292.608	586.603
Chi phí (thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	2.943.286	(12.899.722)
TỔNG CỘNG	27.235.894	(12.313.119)

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận (lỗ) thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế (lỗ tính thuế):

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngàn VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế	1.040.390.846	(571.799.017)
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>		
Các khoản lỗ của các công ty con	345.230.032	624.408.719
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	204.285.493	22.612.745
Chi phí lãi vay không được khấu trừ	111.727.017	-
Thay đổi lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	19.327.395	69.854.572
Các khoản chi phí không được khấu trừ	17.396.569	20.118.236
Điều chỉnh hợp nhất do thanh lý các công ty con trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	(919.278.620)	-
Lợi nhuận từ hoạt động được miễn thuế	(120.870.721)	(175.090.358)
Chi phí trích trước chưa được khấu trừ	(107.312.741)	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(33.474.002)	20.100.391
Dự phòng các khoản đầu tư vào công ty con	(31.319.128)	(14.817.542)
(Lãi) lỗ từ công ty liên kết	(611.608)	13.592.521
Khác	2.035.896	969.114
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa căn trừ lỗ năm trước	527.526.428	9.949.381
Lỗ năm trước chuyển sang	(340.805.288)	(3.354.098)
Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ	186.721.140	6.595.283
Thuế TNDN hiện hành ước tính	22.700.403	1.319.056
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu (thừa) của kỳ trước	1.592.205	(732.453)
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính trong kỳ	24.292.608	586.603
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	10.459.801	717.988
Các khoản (giảm) tăng khác	(575.433)	10.689.961
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	-	(193.268)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	34.176.976	11.801.284
<i>Trong đó:</i>		
Thuế TNDN phải trả (Thuyết minh số 20)	39.167.249	13.313.156
Thuế TNDN trả trước (Thuyết minh số 20)	(4.990.273)	(1.511.872)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

33.2 Thuế thu nhập hoãn lại

Nhóm Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong kỳ thể hiện như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
	Ngàn VND			
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	40.977.859	38.764.262	2.213.597	15.863.230
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Chênh lệch thuế hoãn lại do thanh lý Nhóm công ty Mía đường	-	(88.230.225)	(18.893.761)	-
Dự phòng khoản đầu tư	(7.549.010)	(21.285.888)	13.736.878	(2.963.508)
	(7.549.010)	(109.516.113)		
(Chi phí) thu nhập thuế thu nhập hoãn lại			(2.943.286)	12.899.722

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

34. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu của Nhóm Công ty với bên liên quan trong kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 và 30 tháng 6 năm 2016 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Chi phí lãi vay	325.476.388	296.188.744
		Vay và mượn	66.050.314	3.319.167.381
		Mua hàng hóa, dịch vụ và nguyên vật liệu	37.293.795	99.226.683
		Cho vay	52.530.000	-
		Mua tài sản	6.658.860	1.639.806
		Bán hàng hóa	2.076.060	2.319.756
		Cung cấp dịch vụ	787.444	1.412.974
		Mua các khoản đầu tư	-	12.828.645
Ông Nguyễn Quốc Huy	Bên liên quan	Thanh lý khoản đầu tư	130.000.000	-
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	128.070.165	86.353.011
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	45.203.698	295.662.520
		Lãi từ cho vay	31.073.578	33.128.785
		Bán bò	21.729.708	-
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	200.900.387	-
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	56.245.454	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Lãi từ cho vay	91.725.829	65.657.500
Bà Nguyễn Thị Nga	Bên liên quan	Lãi từ cho vay	9.804.167	-
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Bên liên quan	Lãi từ cho vay	8.192.424	-
Bà Trương Thị Trúc Thiên Trang	Bên liên quan	Lãi từ cho vay	6.278.648	-
Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi	Công ty liên quan	Vay	414.119.000	-
		Lãi vay	373.176	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

34. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả của Nhóm Công ty với bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngân VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6)				
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	348.193.938	320.117.214
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Bán hàng hóa	141.693.024	143.484.740
Ông Nguyễn Quốc Huy	Bên liên quan	Thanh lý khoản đầu tư	130.000.000	-
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên quan	Chuyển nhượng dự án	25.474.626	90.147.433
		Bán hàng hóa	23.799.159	23.731.185
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Bán hàng hóa	1.395.125	1.117.123
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Bán hàng hóa	497.394	413.196
Công ty TNHH ĐT&PT Nhà Hoàng Nguyên	Công ty liên quan	Bán hàng hóa	215.552	153.649
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Thăng Long	Công ty liên quan	Bán hàng hóa	84.557	-
Công ty Cổ phần Điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty liên quan	Bán hàng hóa	69.245	25.005
Khác	Bên liên quan	Bán hàng hóa	61.939	101.768
			671.484.559	579.291.313
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 7)				
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Tạm ứng mua hàng hóa	709.676.036	702.918.510
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Tạm ứng mua nguyên vật liệu	476.557.940	897.478.880
Công ty TNHH MTV PTNN Đại Thắng	Công ty liên quan	Tạm ứng mua cây giống	14.151.874	-
Công ty TNHH MTV Nguyên Vật Liệu Hoàng Thơ	Công ty liên quan	Tạm ứng mua hàng hóa	13.000.000	13.000.000
			1.213.385.850	1.613.397.390

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

34. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản khoản phải thu và phải trả của Nhóm Công ty với bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Lãi suất %/năm	Ngân VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 8) (*)				
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	(i)	300.000.000	280.000.000
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Thăng Long	Công ty liên quan	12,5%	162.764.884	61.397.808
Công ty TNHH V&H Corporation (Lào)	Công ty liên quan		5.169.088	4.742.317
			467.933.972	346.140.125
Phải thu về cho vay dài hạn (Thuyết minh số 8) (*)				
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	6 - 9,75%	573.691.667	573.691.667
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	(i)	942.957.042	870.000.000
Bà Nguyễn Thị Nga	Bên liên quan	6,5%	150.000.000	150.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Bên liên quan	6,5%	125.340.956	125.340.957
Bà Trương Thị Trúc Thiên Trang	Bên liên quan	6,5%	95.180.219	96.670.000
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	11 - 13%	52.530.000	-
			1.939.699.884	1.815.702.624

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

34. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

- (*) Các khoản cho các bên liên quan vay ngắn hạn và dài hạn đã được phê duyệt tại kỳ họp Đại Hội đồng Cổ đông ngày 30 tháng 6 năm 2017, phù hợp với các điều khoản và quy định liên quan đến việc cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan theo Thông tư số 121/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 7 năm 2012 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.
- (i) Thể hiện khoản cho vay tín chấp cho An phú để hỗ trợ tài chính cho An Phú trong việc mua lại các công ty con và các dự án bất động sản của Nhóm Công ty theo kế hoạch tái cấu trúc của Nhóm Công ty. Chi tiết như sau:

<i>Khoản cho vay</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày đáo hạn</i>	<i>Lãi suất</i>
	<i>Ngàn VND</i>		<i>%/năm</i>
Khoản cho vay 1	372.957.042	8 tháng 8 năm 2019	12%
Khoản cho vay 2	287.000.000	30 tháng 12 năm 2021	15%
Khoản cho vay 3	283.000.000	30 tháng 8 năm 2020	15%
Khoản cho vay 4	300.000.000	27 tháng 5 năm 2018	14%
TỔNG CỘNG	<u>1.242.957.042</u>		

Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, khoản phải thu của Nhóm Công ty đối với An Phú và các công ty liên quan với An Phú đã được bảo lãnh bởi tài sản riêng của Ông Chủ tịch HĐQT Công ty - Ông Đoàn Nguyên Đức và tài sản của một số công ty liên quan khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

34. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả của Nhóm Công ty với bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 9)				
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Lãi từ cho vay	103.873.232	84.116.944
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Chi trả hộ Lãi từ cho vay	53.711.465 -	4.418.868 20.317.649
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Cho mượn tạm Khác	28.057.872 755.492	252.120.865 5.092.869
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên quan	Cho mượn vật tư và tài sản	28.431.694	132.565.743
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Thăng Long	Công ty liên quan	Cho mượn tạm	1.290.391	-
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Bên liên quan	Lãi từ cho vay	-	3.100.087
Bà Nguyễn Thị Nga	Bên liên quan	Lãi từ cho vay	-	3.232.192
Bà Trương Thị Trúc Thiên Trang	Bên liên quan	Lãi từ cho vay	-	2.083.040
Khác	Bên liên quan	Chi trả hộ	339.223	63.748
			216.459.369	507.112.005
Phải thu dài hạn khác (Thuyết minh số 9)				
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Thăng Long	Công ty liên quan	Cho mượn vật tư và tài sản	293.263.261	295.543.906
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Hợp tác đầu tư Lãi từ cho vay	109.650.982 91.442.270	109.650.981 60.368.691
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên quan	Cho mượn vật tư và tài sản	147.840.561	102.439.202
Bà Nguyễn Thị Nga	Bên liên quan	Lãi từ cho vay	12.997.024	-
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Bên liên quan	Lãi từ cho vay	11.496.591	-
Bà Trương Thị Trúc Thiên Trang	Bên liên quan	Lãi từ cho vay	2.543.427	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản An Phú	Công ty liên quan	Lãi từ cho vay	-	20.987.500
			669.234.116	588.990.280

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

34. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả của Nhóm Công ty với bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngân VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 18)				
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Mua vật tư	(231.455.315)	(294.126.649)
		Mua tài sản cố định	(5.933.117)	(6.718.545)
		Mua các khoản đầu tư Khác	-	(12.828.645)
			(24.707)	(24.707)
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	(126.886.212)	(3.195.941)
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Mua hàng hóa và dịch vụ	(74.410.405)	(38.299.440)
		Mua tài sản cố định	-	(19.290.278)
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Mua nguyên vật liệu	(1.285.103)	(1.319.002)
Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Dịch vụ khám chữa bệnh	(461.978)	(179.022)
Khác	Bên liên quan	Mua nguyên vật liệu	(2.532.065)	(1.443.770)
			(442.988.902)	(377.425.999)
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 19)				
Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Công ty liên quan	Bán hàng hóa	(105.039.231)	(24.395.000)
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Bán hàng hóa	(21.751.340)	(21.993.920)
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	(1.173.915)	-
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Bán hàng hóa	(20.904)	(20.904)
Công ty TNHH MTV Nguyên vật liệu Hoàng Thơ	Công ty liên quan	Bán hàng hóa	(23.560)	(23.560)
			(128.008.950)	(46.433.384)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

34. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả của Nhóm Công ty với bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 22)				
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Mượn tiền và chi phí lãi vay	(1.226.599.831)	(1.007.581.103)
Công ty TNHH Điện Nậm Kông 3	Công ty liên quan	Mượn tiền	(677.911.115)	(499.290.919)
Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Thu hộ Lãi vay Khác	(366.890.561) (18.252.500) (296.359)	(404.622.013) - -
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Khác	(7.885.106)	(1.943.782)
Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai - Bangkok	Công ty liên quan	Chi phí lãi vay	(7.117.134)	(7.369.738)
Công ty Cổ phần Điện Hoàng Anh Attapeu	Công ty liên quan	Mượn tiền	(2.336.127)	-
Công ty TNHH An Tiến	Công ty liên quan	Cổ tức	(2.034.000)	(2.034.000)
Công ty TNHH Khoáng Sản Hoàng Anh Xê Kông	Công ty liên quan	Mượn tiền	(1.065.530)	(1.457.363)
Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi	Công ty liên quan	Lãi vay	(373.176)	-
Ông Dương Hoàng Bắc	Bên liên quan	Mượn tiền	(247.500)	-
Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Khác	(165.513)	(158.882)
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Bên liên quan	Mượn tiền	-	(22.000.000)
			(2.311.174.452)	(1.946.457.800)
Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh số 22)				
Công ty TNHH An Tiến	Công ty liên quan	Hợp tác kinh doanh	(550.000.000)	(550.000.000)
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Chi phí lãi vay	(246.327.384)	(136.237.677)
			(796.327.384)	(686.237.677)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

34. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả của Nhóm Công ty với bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngân VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 24.3)				
Công ty Cổ phần Hưng Thắng Lợi	Công ty liên quan	Vay ngắn hạn	(414.119.000)	-
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Vay ngắn hạn	(80.000.000)	-
Ông Dương Hoàng Bắc	Bên liên quan	Vay ngắn hạn	(7.823.000)	(7.823.000)
			(501.942.000)	(7.823.000)
Vay dài hạn (Thuyết minh số 24.6)				
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai	Công ty mẹ	Vay dài hạn	(8.258.794.230)	(9.686.239.709)
Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Gia Lai	Công ty liên kết	Vay dài hạn	(298.000.000)	(298.000.000)
Công ty Cổ phần Thủy Điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Vay dài hạn	(126.168.000)	-
			(8.682.962.230)	(9.984.239.709)

Lương, thưởng và thù lao cho các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc như sau:

	Ngân VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016
Lương, thù lao và thưởng	2.163.785	2.788.114

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

35. CÁC CAM KẾT

CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Nhóm Công ty thuê nhiều lô đất tại Việt Nam, Lào và Campuchia để xây dựng nhà xưởng, khách sạn, trồng cây cao su và các loại cây trồng khác và thuê văn phòng theo hình thức thuê hoạt động. Tiền thuê cam kết theo các hợp đồng thuê này như sau:

	<i>Ngân VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Đến 1 năm	29.160.040	37.971.585
Từ 1 đến 5 năm	116.640.158	183.123.566
Trên 5 năm	1.102.087.401	2.642.095.589
TỔNG CỘNG	<u>1.247.887.599</u>	<u>2.863.190.740</u>

CAM KẾT QUAN TRỌNG TRONG KỲ

Theo hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ngày 22 tháng 5 năm 2017, giữa Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Quốc Tế Hoàng Anh Gia Lai ("HNG") và Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa, Công ty Cổ phần Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh và thỏa thuận ngày 15 tháng 6 năm 2017, HNG cam kết chịu trách nhiệm vô điều kiện và không hủy ngang đối với bất kỳ khoản nợ, phạt, bồi thường, nghĩa vụ tài chính và/hoặc bất kỳ cam kết bảo lãnh, nhận nợ, biện pháp đảm bảo nào khác (dù là hiện hữu chưa được phản ánh hoặc tiềm tàng) mà Nhóm công ty Mía đường có nghĩa vụ thực hiện đối với bất kỳ bên thứ ba (bao gồm cả đối với Chính phủ Lào và/hoặc chính phủ Việt Nam) phát sinh vào và trước ngày 31 tháng 8 năm 2016 nhưng chưa được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất ngày 31 tháng 8 của Nhóm Công ty Mía đường, bao gồm nhưng không bị hạn chế bởi các khoản phải nộp liên quan đến:

- (a) Thuế, phí, lệ phí đối với chuyển lợi nhuận từ Nhóm Công ty Mía đường tại Lào về cho Công ty tại Việt Nam theo quy định pháp luật tại Lào và Việt nam;
- (b) Thuế nhà thầu hoặc thuế có tính chất tương tự đối với hoạt động xây dựng, giải phóng mặt bằng liên quan đến nhà máy và vùng nguyên liệu của Nhóm Công ty Mía đường HAGL;
- (c) Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và thuế thu nhập cá nhân của người lao động làm việc tại Nhóm Công ty Mía đường HAGL;
- (d) Thuế giá trị gia tăng liên quan đến giao dịch chuyển nhượng tài sản thuộc hoạt động trồng có và nuôi bò của Nhóm Công ty Mía đường HAGL; và
- (e) Các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ thuế khác, các trách nhiệm bồi thường, tổ tụng về mặt pháp lý liên quan đến hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty Mía đường HAGL trước ngày 31 tháng 8 năm 2016.

36. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2017</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>
Các loại ngoại tệ:		
- LAK	1.124.558.679	9.035.600.152
- Đồng Riels Campuchia (KHR)	64.206.236	111.306.843
- USD	38.114	1.182.684
- EUR	-	1.259

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Nhóm Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Nhóm Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Nhóm Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Nhóm Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty được xác định theo địa điểm của tài sản của Nhóm Công ty. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Nhóm Công ty.

37.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Nhóm Công ty được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm và dịch vụ và bao gồm các bộ phận báo cáo theo hoạt động như sau:

- ▶ Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp: trồng cao su, cọ dầu, mía đường, thu hoạch, chế biến và bán mủ cao su, đường, cọ dầu và các loại cây trồng khác;
- ▶ Chăn nuôi và kinh doanh bò thịt;
- ▶ Thương mại và dịch vụ: dịch vụ xây dựng, mua bán và vận chuyển hàng hóa; và
- ▶ Khác: bán căn hộ, cho thuê văn phòng và dịch vụ khách sạn.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho việc ra quyết định, phân bổ nguồn lực và đánh giá thành tích. Thành tích của các bộ phận được đánh giá dựa trên kết quả lãi lỗ mà trên một số khía cạnh, như được trình bày trong bảng dưới đây, được đo lường khác với kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Nguồn tài trợ, bao gồm thu nhập và chi phí từ hoạt động tài chính; và thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý tập trung ở cấp độ Nhóm Công ty chứ không phân bổ cho các bộ phận.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Nhóm Công ty như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

37.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	<i>Trồng cây</i>	<i>Chăn nuôi</i>	<i>Thương mại và dịch vụ</i>	<i>Khác</i>	<i>Loại trừ</i>	<i>Tổng cộng</i>
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016						
<i>Doanh thu</i>						
Từ khách hàng bên ngoài	522.001.806	1.863.475.919	192.827.277	17.778.787	-	2.596.083.789
Giữa các bộ phận	130.560.272	96.219.428	164.161.361	-	(390.941.061)	-
Tổng cộng	652.562.078	1.959.695.347	356.988.638	17.778.787	(390.941.061)	2.596.083.789
<i>Kết quả hoạt động kinh doanh</i>						
Kết quả của bộ phận	178.694.722	210.062.349	(45.682.191)	743.305	-	343.818.185
Chi phí không phân bổ						(607.217.078)
Lỗ nhuận trước thuế, doanh thu tài chính và chi phí tài chính						(263.398.893)
Thu nhập tài chính						133.724.686
Chi phí tài chính						(428.532.289)
Chia lỗ trong công ty liên kết						(13.592.521)
Lỗ trước thuế						(571.799.017)
Thuế TNDN hiện hành						(586.603)
Thu nhập thuế hoãn lại						12.899.722
Lỗ thuần trong kỳ						(559.485.898)
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016						
<i>Tài sản và nợ phải trả</i>						
Tài sản của bộ phận	25.323.141.520	2.551.785.637	1.128.255.807	1.526.216.329	-	30.529.399.293
Tiền và các khoản tương đương tiền						311.458.305
Đầu tư vào công ty liên kết						896.161.285
Tài sản không phân bổ						3.266.118.969
Tổng tài sản						35.003.137.852
Nợ phải trả của bộ phận						(26.939.081.627)
Nợ phải trả không phân bổ						1.667.966.048
Tổng nợ phải trả						(25.271.115.579)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

37.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Trồng cây	Chăn nuôi	Thương mại và dịch vụ	Khác	Loại trừ	Ngân VND Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017						
<i>Doanh thu</i>						
Từ khách hàng bên ngoài	1.133.843.801	436.166.329	161.279.808	12.762.920	-	1.744.052.858
Giữa các bộ phận	48.827.788	55.166.175	165.023.069	-	(269.017.032)	-
Tổng cộng	1.182.671.589	491.332.504	326.302.877	12.762.920	(269.017.032)	1.744.052.858
<i>Kết quả hoạt động kinh doanh</i>						
Kết quả của bộ phận	539.852.799	140.090.234	167.051.084	4.434.529	(269.017.032)	582.411.614
Chi phí không phân bổ						(259.561.622)
Lợi nhuận trước thuế, doanh thu tài chính và chi phí tài chính						322.849.992
Thu nhập tài chính						1.144.837.768
Chi phí tài chính						(423.942.070)
Chia lợi nhuận trong công ty liên kết						(3.354.844)
Lợi nhuận trước thuế						1.040.390.846
Thuế TNDN hiện hành						(24.292.608)
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại						(2.943.286)
Lợi nhuận thuần trong kỳ						1.013.154.952
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017						
<i>Tài sản và nợ phải trả</i>						
Tài sản của bộ phận	23.141.520.969	2.759.413.333	1.699.739.709	1.586.473.361	-	29.187.147.372
Tiền						1.393.482.421
Đầu tư vào công ty liên kết						892.806.441
Tài sản không phân bổ						2.754.229.765
Tổng tài sản						34.227.665.999
Nợ phải trả của bộ phận						(24.715.233.367)
Nợ phải trả không phân bổ						965.844.917
Tổng nợ phải trả						(23.749.388.450)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

37.2 Bộ phận theo khu vực địa lý

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Nhóm Công ty như sau:

	Việt Nam	Lào	Campuchia	Khác	Ngân VND Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016					
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	1.295.698.770	1.220.092.748	64.536.080	15.756.191	2.596.083.789
Chi phí hình thành tài sản cố định hữu hình	497.449.738	461.286.885	206.194.119	-	1.164.930.742
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016					
<i>Các thông tin bộ phận khác</i>					
Tài sản bộ phận	8.595.514.184	13.279.967.335	8.653.917.774	-	30.529.399.293
Tiền và các khoản tương đương tiền					311.458.305
Đầu tư vào công ty liên kết					896.161.285
Tài sản không phân bổ					3.266.118.969
Tổng tài sản					35.003.137.852
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017					
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	1.020.692.054	659.296.838	64.063.966	-	1.744.052.858
Chi phí hình thành tài sản cố định hữu hình	168.928.715	612.332.007	249.160.883	-	1.030.421.605
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017					
<i>Các thông tin bộ phận khác</i>					
Tài sản bộ phận	8.898.440.095	11.763.913.816	8.524.793.461	-	29.187.147.372
Tiền					1.393.482.421
Đầu tư vào công ty liên kết					892.806.441
Tài sản không phân bổ					2.754.229.765
Tổng tài sản					34.227.665.999

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

38. TRÌNH BÀY LẠI CÁC DỮ LIỆU TƯƠNG ỨNG

Nhóm Công ty đã bàn giao các chức vụ quản lý chủ chốt của Công ty Cổ phần Mía đường Hoàng Anh Gia Lai và Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu ("Nhóm công ty Mía đường") cùng với quyền vận hành, quản lý kinh doanh đối với nhà máy đường, nông trường mía và các tài sản liên quan thuộc Nhóm công ty Mía đường cho một bên thứ ba từ ngày 31 tháng 8 năm 2016. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Nhóm Công ty, hai bên đang tiến hành các thủ tục pháp lý để hoàn tất giao dịch chuyển nhượng cổ phần của Nhóm công ty Mía đường này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Ban Giám đốc Công ty xác định đã chấm dứt toàn bộ quyền kiểm soát đối với Nhóm công ty Mía đường sau ngày 31 tháng 8 năm 2016 và đã sử dụng số liệu của bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 8 năm 2016 và của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 8 tháng kết thúc cùng ngày của Nhóm công ty Mía đường để hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Nhóm Công ty.

Trong kỳ, các hồ sơ pháp lý liên quan đến nghiệp vụ chuyển nhượng 100% sở hữu của Nhóm Công ty tại Nhóm công ty Mía đường cho bên thứ ba đã hoàn tất vào ngày 22 tháng 5 năm 2017. Theo đó, Ban Giám đốc Nhóm Công ty đã xem xét lại và kết luận rằng Nhóm Công ty chấm dứt quyền kiểm soát Nhóm công ty Mía đường kể từ ngày này và đã quyết định điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 các ảnh hưởng của nghiệp vụ này do việc hợp nhất lại báo cáo tài chính của Nhóm công ty Mía đường cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 vào báo cáo tài chính cùng kỳ của Nhóm Công ty.

Sau thời điểm nhận bàn giao các chức vụ quản lý cùng với quyền vận hành, quản lý kinh doanh đối với nhà máy đường, nông trường mía và các tài sản liên quan từ ngày 31 tháng 8 năm 2016, Ban Giám đốc của Nhóm công ty Mía đường đã tiến hành thay đổi phương án và cách thức sản xuất kinh doanh. Theo đó, một số tài sản đã được ghi giảm giá trị hoặc xóa sổ theo quy định.

Ngoài ra, một số dữ liệu tương ứng trong bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ này.

Chi tiết ảnh hưởng của các điều chỉnh và phân loại trên như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (đã được trình bày trước đây)	Điều chỉnh và phân loại lại	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (trình bày lại) Ngàn VND
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ			
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	6.643.444.600	(167.966.758)	6.475.477.842
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	308.340.423	3.117.882	311.458.305
Tiền	293.340.423	3.117.882	296.458.305
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	4.648.948.580	(678.089)	4.648.270.491
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.680.875.463	(848.128)	1.680.027.335
Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.732.975.730	603.480	1.733.579.210
Phải thu ngắn hạn khác	840.786.681	364.861	841.151.542
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(5.180.000)	(798.302)	(5.978.302)
III. Hàng tồn kho	1.671.761.591	(175.965.644)	1.495.795.947
Hàng tồn kho	1.704.449.696	84.637.858	1.789.087.554
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(32.688.105)	(260.603.502)	(293.291.607)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	14.394.006	5.559.093	19.953.099
Chi phí trả trước ngắn hạn	2.967.605	5.041.183	8.008.788
Thuế GTGT được	6.115.529	517.910	6.633.439

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày
khấu trừ

38. TRÌNH BÀY LẠI CÁC DỮ LIỆU TƯƠNG ƯNG (tiếp theo)

Chi tiết ảnh hưởng của các điều chỉnh hồi tố này như sau: (tiếp theo)

	Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (đã được trình bày trước đây)	Ảnh hưởng của việc điều chỉnh lại	Ngàn VND Ngày 31 tháng 12 năm 2016 (trình bày lại)
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ			
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	28.824.808.449	(297.148.439)	28.527.660.010
<i>I. Tài sản cố định</i>	<i>7.072.654.253</i>	<i>(223.211.875)</i>	<i>6.849.442.378</i>
Tài sản cố định hữu hình	7.036.174.317	(223.211.875)	6.812.962.442
- Nguyên giá	8.209.060.771	(192.815.936)	8.016.244.835
- Giá trị khấu hao lũy kế	(1.172.886.454)	(30.395.939)	(1.203.282.393)
<i>II. Tài sản dở dang dài hạn</i>	<i>13.359.625.077</i>	<i>760.793</i>	<i>13.360.385.870</i>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13.359.625.077	760.793	13.360.385.870
<i>III. Tài sản dài hạn khác</i>	<i>4.971.332.020</i>	<i>(74.697.357)</i>	<i>4.896.634.663</i>
Chi phí trả trước dài hạn	1.026.392.360	(74.697.357)	951.695.003
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	35.468.253.049	(465.115.197)	35.003.137.852
A. NỢ PHẢI TRẢ	24.984.262.903	286.852.676	25.271.115.579
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	<i>6.124.980.643</i>	<i>412.421.724</i>	<i>6.537.402.367</i>
Phải trả người bán ngắn hạn	644.831.970	101.260.184	746.092.154
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	180.807.868	74.678.426	255.486.294
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	120.251.709	(96.973)	120.154.736
Phải trả người lao động	52.564.498	(1.640.195)	50.924.303
Chi phí phải trả ngắn hạn	144.091.844	(1.745.151)	142.346.693
Phải trả ngắn hạn khác	2.834.677.638	(279.710.705)	2.554.966.933
Vay ngắn hạn	2.138.653.364	519.676.138	2.658.329.502
<i>II. Nợ dài hạn</i>	<i>18.859.282.260</i>	<i>(125.569.048)</i>	<i>18.733.713.212</i>
Phải trả dài hạn khác	1.309.428.416	(395.323.457)	914.104.959
Vay dài hạn	17.257.342.463	175.222.723	17.432.565.186
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	21.285.888	88.230.225	109.516.113
Dự phòng phải trả dài hạn	271.225.493	6.301.461	277.526.954
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	10.483.990.146	(751.967.873)	9.732.022.273
<i>I- Vốn chủ sở hữu</i>	<i>10.483.990.146</i>	<i>(751.967.873)</i>	<i>9.732.022.273</i>
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	546.519.640	(1.809.891)	544.709.749
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	1.141.711.973	(750.051.703)	391.660.270
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	59.768.773	(106.279)	59.662.494
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	35.468.253.049	(465.115.197)	35.003.137.852

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

39. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Vào ngày 14 tháng 7 năm 2017, Công ty đã ký Hợp đồng chuyển nhượng khoản vay và hoán đổi nghĩa vụ trả nợ với HAG và các cá nhân (hiện là trái chủ của các trái phiếu với tổng trị giá 697 tỷ VND của HAG). Theo đó, số dư nợ vay phải trả cho HAG tương ứng với Hợp đồng vay số 01-01/2016/HĐV-HAGL ngày 1 tháng 1 năm 2016 sẽ giảm đi một số tiền trị giá 697 tỷ VND, để chuyển đổi đối tượng chủ nợ vay sang các cá nhân trên.

Vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Công ty đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục pháp lý cần thiết để phát hành cổ phiếu phổ thông nhằm thanh toán khoản dư nợ trị giá 697 tỷ VND với các cá nhân trên.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.



Phạm Thị Lưu Ly
Người lập



Hồ Thị Tuyết Loan
Kế toán trưởng



Võ Thị Mỹ Hạnh
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 8 năm 2017